



HƯỚNG DẪN CỦA ASEAN VỀ PHÁT TRIỂN NÔNG LÂM KẾT HỢP

NHÓM CÁN BỘ LÂM NGHIỆP CẤP CAO ASEAN
2019



one vision
one identity
one community



HƯỚNG DẪN CỦA ASEAN VỀ PHÁT TRIỂN NÔNG LÂM KẾT HỢP

NHÓM CÁN BỘ LÂM NGHIỆP CẤP CAO ASEAN
2019

Ban thư ký ASEAN
Jakarta

The Association of Southeast Asian Nations (ASEAN) was established on 8 August 1967. The Member States are Brunei Darussalam, Cambodia, Indonesia, Lao PDR, Malaysia, Myanmar, Philippines, Singapore, Thailand and Viet Nam.

The ASEAN Secretariat is based in Jakarta, Indonesia.

For inquiries, contact:

The ASEAN Secretariat
Community Relations Division (CRD)
70A Jalan Sisingamangaraja
Jakarta 12110, Indonesia
Phone: (62 21) 724-3372, 726-2991
Fax: (62 21) 739-8234, 724-3504
E-mail: public@asean.org

Catalogue-in-Publication Data

ASEAN Guidelines for Agroforestry Development
Jakarta, ASEAN Secretariat, April 2019

630.059

1. ASEAN – Agriculture – Forestry
2. Sustainable Development – SDG

ISBN 978-602-5798-35-1

ISBN 978-602-5798-35-1



[ASEAN] Association of Southeast Asian Nations. 2019. ASEAN Guidelines for Agroforestry Development [in Vietnamese]. Authors: Catacutan DC, Finlayson RF, Gassner A, Perdana A, Lusiana B, Leimona B, Simelton E, Öborn I, Galudra G, Roshetko JM, Vaast P, Mulia R, Lasco RL, Dewi S, Borelli S, Yasmi Y. Jakarta, Indonesia: ASEAN Secretariat.

ASEAN: A Community of Opportunities for All

Translated into Vietnamese by Tran Thi Le Tam
The original English version of this publication is kept by ASEAN Secretariat, Jakarta

The text of this publication may be freely quoted or reprinted, provided proper acknowledgement is given and a copy containing the reprinted material is sent to the Community Relations Division (CRD) of the ASEAN Secretariat, Jakarta.

General information on ASEAN appears online at the ASEAN Website: www.asean.org

Copyright Association of Southeast Asian Nations (ASEAN) 2019.
All rights reserved.

LỜI TỰA

Hướng dẫn của ASEAN về phát triển Nông Lâm kết hợp là một mốc quan trọng hướng tới tăng cường sự thịnh vượng, kết nối, khả năng phục hồi và an ninh của các quốc gia thành viên ASEAN. Nhìn tổng thể, Hướng dẫn hình thành khung định hướng để quá trình phát triển này có thể diễn ra.

Hướng dẫn này là kết quả của Kế hoạch và Tầm nhìn Chiến lược trong Hợp tác của ASEAN về Lương thực, Nông nghiệp và Lâm nghiệp, giai đoạn 2016-2025, được Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Lâm nghiệp các nước ASEAN phê chuẩn vào năm 2016. Phê duyệt này là cơ sở dẫn đến quyết định xây dựng Hướng dẫn Phát triển Nông Lâm kết hợp tại các quốc gia thành viên ASEAN, thông qua quá trình tham vấn với các bên liên quan trong khu vực, không chỉ tập trung vào ngành nông lâm nghiệp mà còn các lĩnh vực khác, như biến đổi khí hậu, năng lượng và nước.

Theo chúng tôi, cuốn Hướng dẫn này sẽ thúc đẩy hợp tác và phối hợp liên ngành giữa các lĩnh vực khác nhau (đất, kinh tế, nước, năng lượng, nông nghiệp, lâm nghiệp, thực phẩm, chăn nuôi, thủy sản) tại các quốc gia thành viên ASEAN. Chúng tôi cũng hy vọng rằng Hướng dẫn sẽ thúc đẩy phát triển các chính sách và chương trình trọng

tâm cho nông lâm kết hợp ở các quốc gia thành viên, góp phần cải thiện sinh kế và tăng giá trị tài sản của hàng triệu nông dân trong khu vực, cũng như tăng nguồn cung cấp lương thực do họ sản xuất, cải thiện môi trường và tăng khả năng chống chịu của ngành nông nghiệp đối với sự thay đổi bất lợi của các điều kiện thời tiết cực đoan do biến đổi khí hậu. Hơn nữa, chúng tôi hy vọng Hướng dẫn sẽ thúc đẩy sự hợp tác lớn hơn giữa các quốc gia thành viên trong việc chia sẻ những thành quả phát triển về chính sách và kỹ thuật, thúc đẩy thương mại qua biên giới cho các sản phẩm nông lâm kết hợp và thúc đẩy tăng cường các dịch vụ hệ sinh thái. Tất cả sẽ hỗ trợ quá trình hội nhập sâu hơn và nhanh hơn, phù hợp với tầm nhìn của Cộng đồng kinh tế ASEAN.

ASEAN đánh giá cao hỗ trợ kỹ thuật của Trung tâm Nghiên cứu Nông Lâm Thế giới (ICRAF) và Tổ chức Lương thực và Nông nghiệp của Liên Hợp Quốc (FAO) đã hỗ trợ thúc đẩy cho quá trình biên soạn, phối hợp với nhiều đối tác từ các cơ quan chính phủ quốc gia, các tổ chức nghiên cứu quốc tế, khu vực và quốc gia, các tổ chức phi chính phủ và các nhóm xã hội dân sự. Đồng thời, chúng tôi cũng rất cảm ơn sự lãnh đạo, tầm nhìn định hướng và tinh thần

hợp tác của Nhóm công tác ASEAN về Lâm nghiệp xã hội và hỗ trợ kỹ thuật do Chương trình Đối tác ASEAN-Thụy Sĩ về Lâm nghiệp xã hội và Biến đổi khí hậu do Chính phủ Thụy Sĩ tài trợ, nhóm chuyên gia khu vực Mê-kông về nông lâm kết hợp cho an ninh lương thực và dinh dưỡng, nông nghiệp bền vững và phục hồi đất đai, thuộc diễn đàn Sáng kiến Mạng lưới Nông nghiệp Quốc tế Thụy Điển, cho sự hỗ trợ kiên định và đầu vào cho quá trình thực hiện. Cuối cùng, nhưng không kém phần quan trọng, chúng tôi nhận thức

được, nếu không có sự ủng hộ và lãnh đạo của các bộ ngành liên quan tại những quốc gia thành viên, Hướng dẫn này sẽ khó đạt được kết quả như mong muốn.

Với số lượng lớn người tham gia đóng góp và thẩm định trong cả các cơ quan chính phủ, tổ chức phi chính phủ và xã hội dân sự, chúng tôi tin tưởng rằng Hướng dẫn này sẽ hỗ trợ thúc đẩy việc mở rộng áp dụng Nông lâm kết hợp trong khối ASEAN và tất cả các lợi ích mà Nông lâm kết hợp sẽ mang lại.

Nhóm chuyên gia cấp cao của ASEAN về Lâm nghiệp

LỜI CẢM ƠN

ASEAN trân trọng ghi nhận sự đóng góp và nỗ lực làm việc của các tác giả, những người tham gia đóng góp, nhà phê bình và các cố vấn có tên dưới đây cùng các cơ quan tham gia vào biên soạn Hướng dẫn, cũng như các bên liên quan trong quá trình tham vấn trong khu vực.

Đặc biệt, chúng tôi ghi nhận sự lãnh đạo của các cán bộ đầu mối của Nhóm công tác ASEAN về Lâm nghiệp xã hội, những người đã tạo động lực cho việc hoàn thiện và xuất bản Hướng dẫn này.

Chúng tôi bày tỏ sự biết ơn trân trọng tới Ban thư ký của Đối tác ASEAN-Thụy Sĩ về lâm nghiệp xã hội và biến đổi khí hậu trong việc điều phối các đóng góp của những đối tác tham gia biên soạn Hướng dẫn.

Chúng tôi cũng xin cảm ơn hơn 100 đại biểu từ các quốc gia thành viên ASEAN, bao gồm các nhà hoạch định chính sách, nhóm nông dân và hợp tác xã, các nhóm quản lý rừng dựa vào cộng đồng, các học viên, chuyên gia kỹ thuật và nhà nghiên cứu, đã tham gia vào buổi tham vấn ban đầu được tổ chức vào vào phiên họp thứ 7 của Nhóm công tác ASEAN về lâm nghiệp xã hội tại Chiang Mai, Thái Lan, từ ngày

12 – 14/6/2017. Cuộc tham vấn tập trung vào mục đích và nội dung chung của Hướng dẫn, đặt nền tảng cho sự phát triển tiếp theo. Cuối cùng, nhưng không kém phần quan trọng, chúng tôi gửi lời cảm ơn trân trọng nhất đến Trung tâm Nghiên cứu Nông lâm Thế giới (ICRAF) đã chịu trách nhiệm nhiệm chính trong việc soạn thảo Hướng dẫn, phối hợp các đóng góp, bình luận biên tập và các tư vấn kỹ thuật.

Tác giả

Trung tâm Nghiên cứu Nông Lâm Thế giới (ICRAF)

Delia C. Catacutan, Robert Finlayson, Anja Gassner, Aulia Perdana, Betha Lusiana, Beria Leimona, Elisabeth Simelton, Ingrid Öborn, Gamma Galudra, James M. Roshetko, Philippe Vaast, Rachmat Mulia, Rodel Lasco and Sonya Dewi

Tổ chức Tổ chức Lương thực và Nông nghiệp của Liên Hợp Quốc (FAO)

Simone Borelli and Yurdi Yasmi

Thẩm định và cộng tác viên

Các chuyên gia của các tổ chức

Trung tâm Rừng và Con người (RECOFTC), Trung tâm Nghiên cứu Lâm nghiệp Quốc tế, Chương trình Trao đổi Lâm sản ngoài gỗ, Trung tâm Nghiên cứu và Đào tạo sau đại học về nông nghiệp khu vực Đông Nam Á, Mạng lưới nghiên cứu và giáo dục nông lâm kết hợp của Philippines.

Các chuyên gia độc lập

- TS. Ir. Budiman Achmad
- TS. Sanudin
- TS. Muhamad Siarudin
- TS. Ramon Razal
- Th.S. Eva Fauziyah S.Hut
- Ông. Eduardo Queblatin
- Bà. Rowena Cabahug

Cán bộ đầu mối Nhóm công tác của ASEAN về Lâm nghiệp Xã hội

Brunei Darussalam: Bà Noralinda Hj Ibrahim, Quyền Giám đốc Lâm nghiệp, Cục Lâm nghiệp, Bộ Tài nguyên và Du lịch

Cambodia: Ông Long Ratanakoma, Phó Vụ trưởng, Vụ Lâm nghiệp và Lâm nghiệp Cộng đồng, Tổng cục Lâm nghiệp thuộc Bộ Nông nghiệp, Lâm nghiệp và Thủy sản

Indonesia: Tiến sĩ Bambang Supriyanto, Tổng Giám đốc, Cục Đối tác Môi trường và Lâm nghiệp Xã hội,

Bộ Môi trường và Lâm nghiệp

Lao PDR: Tiến sĩ Oupakone Alounsavath, Giám đốc, Vụ Quản lý sản phẩm lâm nghiệp và Lâm sản ngoài gỗ, Cục Lâm nghiệp, Bộ Nông nghiệp và Lâm nghiệp

Malaysia: Tiến sĩ Megat Sany Megat Ahmad Supian, Phòng Quản lý Đa dạng Sinh học và Lâm nghiệp, Bộ Tài nguyên và Môi trường

Myanmar: Tiến sĩ Ei Ei Swe Hlaing, Trợ lý Giám đốc, Viện Nghiên cứu Lâm nghiệp, Cục Lâm nghiệp, Bộ Tài nguyên và Bảo tồn Môi trường

Philippines: Ông Nonito M. Tamayo, Giám đốc, Tổng Cục Quản lý Rừng, Vụ Tài nguyên và Môi trường

Singapore: Ông Hassan Ibrahim, Quản lý cấp cao, Đa dạng sinh học (nội địa), Phòng Trung tâm Đa dạng sinh học Quốc gia, Ủy ban Quản lý Công viên Quốc gia và Vườn Bách thảo Singapore

Thailand: Tiến sĩ Komsan Rueangritsarakul, Cán bộ Kỹ thuật Lâm nghiệp cao cấp, Cục Quản lý Rừng Cộng đồng, Cục Lâm nghiệp Hoàng gia

Viet Nam: Ông Đình Văn Tuyên, Cán bộ Phòng Quản lý và Bảo vệ Rừng, Cục Kiểm lâm, Tổng cục Lâm nghiệp Việt Nam, Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn.

Nhóm chuyên gia khu vực Mê-kông về nông lâm kết hợp cho an ninh lương thực và dinh dưỡng, nông nghiệp bền vững và phục hồi đất đai:

Andrew Noble, Anja Gassner, Bao Huy, David Gritten, Delia C. Catacutan, Dian Sukmajaya, Doris Capistrano, Ei Ei Swe Hliang, Elisabeth Simelton, Göran Bergkvist, Horst Weyerhaeuser, Ingrid Öborn, Kim Soben, Long Ratanakoma, Mai Văn Trinh, Maria Estrella A. Penunia, Niall O'Connor, Ngô Thế Ân, Nguyễn Văn Bộ, Robert Finlayson, Ronnakorn Triraganon, Sararin Phaengam, Sigrun Dahlin, Stepha McMullin, Srichai Saengcharnchai, Trần Minh Tiến, Yurdi Yasmi

Các cố vấn

Dian Sukmajaya, Cán bộ cấp cao, Bộ phận Lương thực, Nông nghiệp và Lâm nghiệp, Phòng Cộng đồng Kinh tế ASEAN, Ban thư ký ASEAN.

Dian Sukmajaya, Cán bộ Phòng Nông, Lâm và Lương thực, Ban Phát triển ngành, Vụ Cộng đồng Kinh tế ASEAN, Ban Thư ký ASEAN

Doris Capistrano, Cố vấn cao cấp, Chương trình Đối tác ASEAN-Thụy Sĩ về Lâm nghiệp Xã hội và Biến đổi Khí hậu

MỤC LỤC

1. BỐI CẢNH VÀ PHẠM VI CỦA HƯỚNG DẪN	1
2. CÁC MỤC TIÊU CỦA HƯỚNG DẪN	3
3. ĐỐI TƯỢNG SỬ DỤNG	4
4. CÁC NGUYÊN TẮC HƯỚNG DẪN	6
4.1. Các nguyên tắc về thể chế	6
Nguyên tắc 1: Tạo môi trường thực hiện	6
Nguyên tắc 2: Đảm bảo năng lực tổ chức có hiệu quả	7
Nguyên tắc 3: Hỗ trợ hợp tác hiệu quả và ra quyết định có sự tham gia	8
4.2. Các nguyên tắc về kinh tế	9
Nguyên tắc 4: Công nhận giá trị của hàng hóa và dịch vụ hệ sinh thái ...	9
Nguyên tắc 5: Tạo môi trường cho đầu tư và thị trường Nông lâm kết hợp	10
4.3. Các nguyên tắc về môi trường	11
Nguyên tắc 6: Duy trì và tăng cường các dịch vụ hệ sinh thái ở quy mô trang trại và cảnh quan.	11
Nguyên tắc 7: Hiểu và quản lý sự đánh đổi (lợi ích)	12
4.4. Các nguyên tắc văn hóa-xã hội	13
Nguyên tắc 8: Công nhận và tôn trọng kiến thức, truyền thống và lựa chọn địa phương	13
Nguyên tắc 9 Hỗ trợ công bằng giới và hòa nhập xã hội	13
Nguyên tắc 10: Đảm bảo các biện pháp an toàn và quyền hưởng dụng	14
4.5. Nguyên tắc thiết kế kỹ thuật	15
Nguyên tắc 11 Thiết kế các lựa chọn nông lâm kết hợp dựa trên bối cảnh	15
Nguyên tắc 12: Chọn lựa các thành phần trong hệ thống Nông lâm kết hợp theo cách có sự tham gia	17
4.6. Các nguyên tắc truyền thông và nhân rộng	18
Nguyên tắc 13: Truyền thông hiệu quả kiến thức Nông lâm kết hợp	18

Nguyên tắc 14: Lập kế hoạch mở rộng hiệu quả và bền vững	19
5. LƯU Ý THỰC HIỆN	20
5.1. Sắp xếp và vai trò thể chế	20
5.2. Lập kế hoạch và huy động vốn	21
5.3. Nghiên cứu và học hỏi thường xuyên.....	22
5.4. Giám sát và đánh giá	23
5.5. Quản lý kiến thức.....	24
PHỤ LỤC 1. XÂY DỰNG HƯỚNG DẪN	25
PHỤ LỤC 2. SÁCH TRẮNG: NÔNG LÂM KẾT HỢP: ĐÓNG GÓP CHO AN NINH LƯƠNG THỰC, THÍCH ỨNG VÀ GIẢM THIỂU BIẾN ĐỔI KHÍ HẬU Ở ĐÔNG NAM Á	27
PHỤ LỤC 3. BỐI CẢNH QUỐC TẾ CỦA HƯỚNG DẪN	29
PHỤ LỤC 4. CÁC ẢN PHẨM KHUYẾN CÁO THAM KHẢO	32

CHƯƠNG 1

BỐI CẢNH VÀ PHẠM VI CỦA HƯỚNG DẪN

Kế hoạch và Tầm nhìn chiến lược trong Hợp tác của ASEAN về Lương thực, Nông nghiệp và Lâm nghiệp, giai đoạn 2016-2025, được thống nhất tại Hội nghị Bộ trưởng Nông nghiệp và Lâm nghiệp các nước ASEAN lần thứ 38 năm 2016, nhằm đảm bảo “tài nguyên rừng được quản lý bền vững ở cấp độ cảnh quan để đáp ứng nhu cầu xã hội, kinh tế xã hội và văn hóa của các thế hệ hiện tại và tương lai, đóng góp tích cực cho sự phát triển bền vững”.

Nhận thức được sự đóng góp của Nông lâm kết hợp trong việc đảm bảo an ninh lương thực, tăng cường thích ứng và giảm thiểu biến đổi khí hậu và giảm suy thoái đất; cho nhiều mục tiêu phát triển bền vững; và trong nỗ lực tăng cường liên kết giữa sản xuất lâm nghiệp và lương thực thông qua cách tiếp cận tổng hợp trong quản lý cảnh quan cũng như tăng cường quản lý rừng bền vững, Hội nghị cán bộ lâm nghiệp cấp cao ASEAN lần thứ 20 thống nhất xây dựng Hướng dẫn của ASEAN về Nông lâm kết hợp. Hội nghị Bộ trưởng Nông nghiệp và Lâm nghiệp ASEAN lần thứ 39 đã thông

qua khuyến nghị xây dựng Hướng dẫn là một trong những thành quả chính của Hợp tác ASEAN trong lâm nghiệp xã hội năm 2018.

Trung tâm Nghiên cứu Nông lâm Thế giới¹ qua Nhóm Công tác về Lâm nghiệp Xã hội ASEAN được đề nghị cùng với Tổ chức Lương thực và Nông nghiệp của Liên Hợp Quốc (FAO) và các đối tác² Chương trình Đối tác ASEAN - Thụy Sĩ về Lâm nghiệp Xã hội và Biến đổi Khí hậu, chuẩn bị một bộ các nguyên tắc hướng dẫn hỗ trợ phát triển Nông lâm kết hợp tại các quốc gia thành viên ASEAN. Hướng dẫn được xác định là cần thiết để đạt được Kế hoạch Chiến lược và Tầm nhìn của ASEAN về lương thực, nông nghiệp và lâm nghiệp, đặc biệt là thúc đẩy chiến

1 Trung tâm Nghiên cứu Nông Lâm Thế giới là thành viên của CGIAR, đối tác toàn cầu vì một tương lai an ninh lương thực và là đối tác của Dự án Đối tác ASEAN - Thụy Sĩ về Lâm nghiệp Xã hội và Biến đổi Khí hậu.

2 Trung tâm Nghiên cứu Lâm nghiệp Quốc tế, Trung tâm Rừng và Con người (RECOFTC), Chương trình Trao đổi Lâm sản ngoài gỗ, Trung tâm Nghiên cứu và Đào tạo sau đại học về nông nghiệp khu vực Đông Nam Á

lược 4 – “Tăng khả năng chống chịu với biến đổi khí hậu, thiên tai và các hiện tượng khác”, Chương trình hành động 5 về “mở rộng” hệ thống nông lâm kết hợp có khả năng chống chịu tại những khu vực phù hợp về mặt sinh thái và kinh tế.

Tham khảo ý kiến với các bên liên quan, gồm các nhà nghiên cứu, học giả, người thực hiện, chuyên gia kỹ thuật, đại diện ngành lâm nghiệp - môi trường từ các cơ quan chính phủ quốc gia và hội nông dân, được thực hiện từ tháng 6/2017. Các tác giả và cộng tác viên lưu ý rằng Hướng dẫn này được thiết kế để đảm bảo phát triển Nông lâm kết hợp dựa trên bối cảnh đặc trưng của các quốc gia thành viên ASEAN. Các điều kiện kinh tế xã hội, chính sách và môi trường của mỗi nước thành viên riêng biệt cần được xem xét bình đẳng trong việc thiết kế mọi can thiệp Nông lâm kết hợp.

Hướng dẫn này được áp dụng cho tất cả các loại đất hoặc hệ sinh thái được xác định cho các can thiệp nông lâm kết hợp trong các quốc gia thành viên ASEAN, dù là rừng, trang trại, rừng đầu nguồn, vùng cao, vùng đồng bằng, ven biển, vùng đất ngập nước hoặc đất than bùn. Đây không phải là hướng dẫn kỹ thuật để thiết lập Nông lâm kết hợp, mà là khung hướng dẫn tạo thúc đẩy đối thoại trong việc thiết kế các chính sách, chương trình, dự án và đầu tư về Nông lâm kết hợp giữa và trong các quốc gia thành viên ASEAN.

Việc thực hiện Hướng dẫn là tự nguyện và không bắt buộc, cũng không thay thế các hiệp định hoặc hiệp ước chính thức đang có, luật pháp và chính sách quốc gia, phù hợp với Khung đa ngành của ASEAN về biến đổi khí hậu: Nông nghiệp và Lâm nghiệp hướng tới An ninh Lương thực³ và tất cả các hướng dẫn liên ngành của ASEAN khác⁴ liên quan đến Nông lâm kết hợp.

Các nguyên tắc và hướng dẫn để cập trong tài liệu này, mặc dù dự định áp dụng cho các nước thành viên ASEAN, được xây dựng trên quan điểm là có thể áp dụng bởi các nước ngoài ASEAN.

3 Khung đa ngành về biến đổi khí hậu được xây dựng trong khuôn khổ Hội nghị các quan chức cấp cao về nông nghiệp và lâm nghiệp ASEAN, nhằm đưa ra cơ chế phối hợp hành động để giải quyết các mối đe dọa đối với an ninh lương thực do biến đổi khí hậu. Nó tập trung vào các lĩnh vực nông nghiệp, ngư nghiệp và lâm nghiệp, và nhằm mục đích theo đuổi cách tiếp cận liên ngành để thực hiện và hoạch định chính sách hiệu quả

4 Hướng dẫn khu vực ASEAN về thúc đẩy thực hành nông nghiệp thông minh với khí hậu; Hướng dẫn của ASEAN về phát triển giới; Hướng dẫn của ASEAN về đầu tư có trách nhiệm.

CHƯƠNG 2

CÁC MỤC TIÊU CỦA HƯỚNG DẪN

- 1) Thúc đẩy vai trò của Nông lâm kết hợp nhằm đồng thời đạt được kết quả kinh tế, môi trường và xã hội ở cấp độ trang trại, hộ gia đình và cảnh quan.
- 2) Hướng dẫn xây dựng các chính sách, chiến lược và chương trình Nông lâm kết hợp của các quốc gia thành viên ASEAN và đầu tư khu vực tư nhân, cũng như các chương trình và giáo trình đào tạo Nông lâm kết hợp bậc đại học.
- 3) Giúp các quốc gia thành viên ASEAN đạt được các mục tiêu liên quan đến an ninh lương thực, tăng trưởng ‘xanh’ hoặc bền vững, giảm phát thải khí nhà kính, phục hồi đất đai, bảo vệ đầu nguồn, bình đẳng giới, lâm nghiệp xã hội/cộng đồng, thích ứng và giảm thiểu biến đổi khí hậu, rộng hơn nữa là các Mục tiêu Phát triển Bền vững.
- 4) Tăng cường quan hệ đối tác giữa các quốc gia thành viên ASEAN thông qua hành động chung về phát triển nông lâm kết hợp.

CHƯƠNG 3

ĐỐI TƯỢNG SỬ DỤNG

Đối tượng chính sử dụng Hướng dẫn là các nhà hoạch định chính sách của các quốc gia thành viên ASEAN và tiếp đến là các nhà hoạch định chương trình và/hoặc dự án ở cấp quốc gia và địa phương, các nhà đầu tư trong và ngoài nước, các tổ chức đào tạo

đại học và sau đại học, và các tổ chức phi chính phủ trong nước và quốc tế có hoạt động về Nông lâm kết hợp và phát triển. Hướng dẫn cũng có thể được sử dụng bởi các nhóm xã hội dân sự cho mục đích vận động chính sách.

Nông Lâm kết hợp - sự tương tác của nông nghiệp và cây thân gỗ, gồm cả việc sử dụng về nông nghiệp của cây thân gỗ. Nông lâm kết hợp bao hàm cây trong các trang trại và các cảnh quan nông nghiệp, canh tác trong các diện tích rừng và ở rìa rừng, các hệ thống sản xuất cây nông nghiệp-cây thân gỗ. Mối tương tác giữa cây thân gỗ và các thành phần khác của nông nghiệp như chăn nuôi, cá và các loài thủy sản... có vai trò quan trọng ở mọi quy mô: trên cánh đồng (nơi cây thân gỗ và hoa màu được trồng xen cùng nhau), trong các trang trại (nơi cây thân gỗ có thể cung cấp thức ăn cho gia súc, nhiên liệu, lương thực, làm nơi trú ẩn hoặc thu nhập từ các sản phẩm, bao gồm cả gỗ) và trên cảnh quan (nơi sử dụng đất nông nghiệp và đất rừng kết hợp trong việc xác định cung cấp dịch vụ hệ sinh thái). Ở quy mô quốc gia và toàn cầu, lâm nghiệp và nông nghiệp tương tác về sinh thái và qua các chính sách liên quan đến sử dụng đất, thương mại và đặc biệt quan trọng đối với biến đổi khí hậu và các mối quan tâm khác về môi trường. Nông lâm kết hợp theo cách tiếp cận sinh thái nông nghiệp, tập trung vào đa chức năng và quản lý các hệ thống hỗn hợp phức tạp thay vì chỉ tập trung vào độc canh. “Cây thân gỗ” được sử dụng để chỉ cây và cây bụi, các cây lâu năm thân gỗ, cây họ cọ và tre. Tương tự, “nông nghiệp” được sử dụng một cách toàn diện để chỉ hoạt động của con người được thực hiện chủ yếu để sản xuất lương thực, nguyên liệu sợi và nhiên liệu bằng cách sử dụng có chủ ý và kiểm soát thực vật, động vật và các loài thủy sản. Nông lâm kết hợp đã chứng minh được lợi ích trong các lĩnh vực an ninh lương thực và dinh dưỡng gia đình, cung cấp năng lượng từ gỗ nguyên nhiên liệu, thích ứng

và giảm thiểu biến đổi khí hậu, điều tiết đầu nguồn, phục hồi đất đai và cải thiện đa dạng sinh học nông nghiệp trong nhiều lợi ích khác. Nông lâm kết hợp còn giúp người dân giảm rủi ro kinh tế và môi trường, cung cấp nguồn thu nhập quan trọng cho các hộ gia đình nông thôn, đặc biệt là trước sự thay đổi của khí hậu. Trong một thời gian dài, người dân ở Đông Nam Á đã thực hành Nông lâm kết hợp, các loại hình Nông lâm kết hợp có thể được phân biệt bởi nguồn gốc của chúng trong khu vực (Phụ lục 2).

Vai trò quan trọng của rừng đối với môi trường lành mạnh của trái đất đã được công nhận, nhưng cây thân gỗ trồng ngoài đất rừng cũng có vai trò quan trọng trong việc phục hồi cảnh quan và đạt được các mục tiêu kỳ vọng của quốc gia và quốc tế tại các khu vực có diện tích nông nghiệp lớn. Có nhiều cách để phục hồi cảnh quan bị suy thoái, nhưng không nhiều giải pháp để có thể khôi phục đa dạng sinh học và hệ sinh thái, đồng thời cung cấp an ninh lương thực, dinh dưỡng, thu nhập và các dịch vụ hệ sinh thái khác thông qua việc tham gia và trao quyền cho cộng đồng địa phương theo cách mà nông lâm kết hợp mang lại. Khi được sử dụng như một công cụ **phục hồi rừng và cảnh quan**, Nông lâm kết hợp có thể tăng cường các đặc tính vật lý, hóa học và sinh học của đất, từ đó làm tăng chất hữu cơ và độ phì của đất, tăng cường chu trình dinh dưỡng, kiểm soát xói mòn đất và điều tiết nước. Việc khôi phục cảnh quan bị suy thoái bằng Nông lâm kết hợp có thể làm tăng khả năng phục hồi của cộng đồng trước các cú sốc, bao gồm hạn hán và thiếu lương thực, giúp thích ứng và giảm thiểu biến đổi khí hậu (FAO 2017).

Ngày nay, Nông lâm kết hợp ngày càng được nhận thức là giải pháp để đạt được nhiều mục tiêu đề ra tại các công ước, khuôn khổ mục tiêu quốc tế mà các quốc gia thành viên ASEAN đã cam kết (Phụ lục 3). Một trong các công ước đó là Thỏa thuận Paris, có hiệu lực vào ngày 04/11/2016, tạo ra khuôn khổ toàn cầu để thúc đẩy Nông lâm kết hợp, do cây thân gỗ trong các diện tích rừng và trang trại là nguồn chính về giảm thiểu và thích ứng với biến đổi khí hậu. Cây có khả năng tích tụ các-bon, do vậy Nông lâm kết hợp có thể góp phần đạt được các đóng góp do quốc gia quyết định trên toàn quốc của các quốc gia thành viên ASEAN. Nông Lâm kết hợp cũng có thể là công cụ để đạt được các Mục tiêu Phát triển Bền vững, giúp xóa đói, giảm nghèo, hỗ trợ công bằng giới và hòa nhập xã hội, cung cấp năng lượng sạch và giá cả phải chăng, bảo vệ cuộc sống trên đất liền, chống suy thoái đất và chống biến đổi khí hậu (Phụ lục 2).

CHƯƠNG 4

CÁC NGUYÊN TẮC HƯỚNG DẪN

Các nguyên tắc hướng dẫn có tính liên hệ với nhau, thể hiện nguyên lý chung, hướng dẫn phát triển các can thiệp về Nông Lâm kết hợp (ví dụ: chính sách, chương trình, dự án và đầu tư kinh doanh) tại các quốc gia thành viên ASEAN, trong mọi trường hợp, bất luận thay đổi mục tiêu và chiến lược của các nước. Phần này cung cấp các hướng dẫn chính cho từng nguyên tắc.

4.1. Các nguyên tắc về thể chế

Nguyên tắc 1: Tạo môi trường thực hiện

Cần nhắc về thiếu thể chế rõ ràng cho Nông lâm kết hợp ở nhiều nước ở Đông Nam Á, điều quan trọng là cung cấp một môi trường chính sách và thể chế cho phép phát triển các chính sách, chương trình và đầu tư về Nông lâm kết hợp. Trong mọi trường hợp, các nguyên tắc quản trị tốt được áp dụng cho mọi lĩnh vực khác nhau bao gồm quản trị có trách nhiệm của FAO đối với quyền sử dụng đất, thủy sản và rừng (minh bạch, công bằng, trách

nhệm, toàn diện)⁵ phải được tuân thủ trong các quá trình lập kế hoạch, ra quyết định và thực hiện các can thiệp Nông lâm kết hợp. Các hướng dẫn bao gồm, nhưng không giới hạn, như sau:

Hướng dẫn 1.1. Tuân thủ các điều ước, khuôn khổ, thỏa thuận, chiến lược và chương trình quốc tế và khu vực hiện có khi phát triển các chương trình, dự án hoặc chính sách về Nông lâm kết hợp.

Hướng dẫn 1.2. Xem xét đối chiếu luật, quy định, chiến lược và chương trình quốc gia liên quan đến Nông lâm kết hợp, xây dựng các chính sách mới hoặc sửa đổi chính sách hiện hành để đảm bảo phát triển của Nông lâm kết hợp có chính sách và hỗ trợ pháp lý rõ ràng.

Hướng dẫn 1.3. Thành lập cơ quan chịu trách nhiệm về nông lâm kết hợp. Đánh giá cơ cấu thể chế hiện có và phân công cơ quan/tổ

5 Voluntary Guidelines on the Responsible Governance of Tenure of Land, Fisheries and Forests in the Context of National Food Security: <http://www.fao.org/docrep/016/i2801e/i2801e.pdf>

chức phù hợp, hoặc tạo ra một thể chế mới với các bộ liên quan ở các quốc gia thành viên ASEAN phụ trách phát triển Nông lâm kết hợp với nhiệm vụ, vai trò và trách nhiệm được xác định rõ ràng.

Hướng dẫn 1.4. Phát triển các chương trình, chiến lược hoặc định hướng phát triển Nông lâm kết hợp cấp quốc gia và hỗ trợ phát triển ở các cấp tỉnh và địa phương.

Hướng dẫn 1.5. Ban hành các điều kiện và quy trình cho phép/ thực hiện khuyến khích và khen thưởng áp dụng nông lâm kết hợp, như bảo đảm quyền sử dụng đất, tăng cường tiếp cận thị trường và cải thiện cơ sở hạ tầng.

Hướng dẫn 1.6. Tìm và phát triển các biện pháp phù hợp khác nhau cung cấp và tiếp tục cung cấp tài trợ thích hợp, hỗ trợ phát triển Nông lâm kết hợp.

Nguyên tắc 2: Đảm bảo năng lực tổ chức có hiệu quả

Liên quan đến Nguyên tắc 1, phát triển năng lực của tổ chức, cơ quan hoặc bộ phận được giao nhiệm vụ hoặc mới thành lập với các bộ liên quan và các đối tác trọng yếu là cần thiết để chia sẻ hiệu quả kiến thức, chuyển giao công nghệ, tiến hành nghiên cứu, cung cấp dịch vụ hỗ trợ và tạo điều kiện lập kế hoạch. Các hướng dẫn bao gồm, nhưng không giới hạn, như sau:

Hướng dẫn 2.1. Tăng cường năng lực của cơ quan phụ trách Nông lâm kết hợp, các đối tác ở cấp quốc gia và địa phương nhằm cung cấp kiến thức và kỹ năng một cách hiệu quả, cung cấp hướng dẫn kỹ thuật, tạo điều kiện cho việc lập kế hoạch, ra quyết định có sự tham gia ở nhiều cấp và giám sát kết quả, tác động.

Hướng dẫn 2.2. Xác định và huy động các chuyên gia độc lập hoặc của cơ quan để nâng cao năng lực kỹ thuật cho phát triển Nông lâm kết hợp ở các cấp khác nhau.

Hướng dẫn 2.3. Nâng cao năng lực nghiên cứu quốc gia để tiến hành nghiên cứu Nông lâm kết hợp và liên kết kiến thức với chính sách qua việc tham gia trực tiếp vào các quy trình ra chính sách và lập kế hoạch.

Hướng dẫn 2.4. Nâng cao năng lực hệ thống Khuyến nông quốc gia để tạo điều kiện chuyển giao kiến thức và kỹ năng giữa các bên liên quan, hỗ trợ đối thoại, lên kế hoạch cho các chương trình và dự án Nông lâm kết hợp, và thiết kế các giải pháp Nông lâm kết hợp cho các bối cảnh khác nhau.

Hướng dẫn 2.5. Tăng cường hợp tác nghiên cứu và kết nối giữa các Hệ thống nghiên cứu và Khuyến nông quốc gia, các tổ chức nghiên cứu và phát triển quốc tế, gồm cả trường đại học.

Hướng dẫn 2.6. Tăng cường đào tạo về Nông lâm kết hợp bằng cách cung cấp hỗ trợ cho các trường cao đẳng và đại học trong việc phát triển chương trình giảng dạy về Nông lâm thông qua các mạng lưới giáo dục đại học hiện có trong khu vực.

Hướng dẫn 2.7. Xác định những nhu cầu cụ thể của các bên liên quan khác nhau và cung cấp các dịch vụ hỗ trợ phù hợp cho các nhu cầu khác nhau của các chủ quản lý đất lớn (người nhượng quyền, trang trại công ty) và các nông hộ nhỏ⁶.

Nguyên tắc 3: Hỗ trợ hợp tác hiệu quả và ra quyết định có sự tham gia

Xem xét tính đa chức năng của Nông lâm kết hợp, các khái niệm và mối tương tác của nó với nông nghiệp, lâm nghiệp và sử dụng đất khác; các tương tác cấp cảnh quan và liên kết với các ngành khác (ví dụ: chăn nuôi, năng lượng, nuôi trồng thủy sản, nước, biến đổi khí hậu và sinh kế nông thôn), cách tiếp cận cảnh quan để lập kế hoạch can thiệp Nông lâm kết hợp với hợp tác liên ngành và ra quyết định tổng hợp, như được đề cập trong khuôn khổ đa ngành của ASEAN về biến đổi khí hậu: *Nông nghiệp và lâm nghiệp đối với an ninh lương thực*, là cần thiết để phát triển Nông lâm kết hợp. Nguyên tắc

này bao gồm, nhưng không giới hạn, những hướng dẫn sau:

Hướng dẫn 3.1. Thúc đẩy các phương pháp có sự tham gia và sự tham gia của tất cả các bên liên quan ở các cấp phù hợp trong lập kế hoạch và ra quyết định, xác định mục tiêu và thực hiện các can thiệp về nông lâm kết hợp, đặc biệt ở cấp các nông hộ nhỏ. Các bên liên quan có thể gồm các nhà hoạch định chính sách và nhà xây dựng kế hoạch từ các lĩnh vực liên quan: công nghiệp tư nhân, nhà đầu tư và người nhượng quyền; các nhà nghiên cứu; tổ chức phi chính phủ; các nhà tài trợ và đối tác quốc tế; các tổ chức của nông dân và hợp tác xã; nhóm người bản địa hoặc dân tộc thiểu số; nhóm Phụ nữ và các nhóm sản xuất (liên kết với Nguyên tắc 8).

Hướng dẫn 3.2. Đảm bảo các can thiệp Nông lâm kết hợp, cùng các sản phẩm và dịch vụ tạo ra, được hiểu rõ hơn và được đưa vào các chiến lược của ngành.

Hướng dẫn 3.3. Thiết kế các biện pháp can thiệp Nông lâm kết hợp trong bối cảnh cảnh quan toàn diện và trong liên hệ đến những thay đổi trong tương lai của các hình thái/chế độ khí hậu cũng như sự thay đổi về chính sách và kinh tế để đảm bảo rằng các tác động trong và ngoài ngành, ngắn hạn và dài hạn được xem xét,

6 Các dịch vụ hỗ trợ có thể bao gồm đào tạo về các khía cạnh kỹ thuật khác nhau về nông lâm kết hợp, kỹ thuật sau thu hoạch, tiếp thị, tín dụng và tài chính.

quản lý và giám sát phù hợp với các tiêu chuẩn xã hội, kinh tế và môi trường được thông qua bởi các quốc gia thành viên ASEAN (liên kết với Nguyên tắc 11).

Hướng dẫn 3.4. Bao hàm và cân đối thường xuyên các mục tiêu, quan tâm và trách nhiệm khác nhau của các bên liên quan trong cảnh quan xác định/định hướng cho Nông lâm kết hợp, bao gồm các hộ sản xuất nhỏ, các nhóm sản xuất quy mô nhỏ và lớn, các nhóm lâm nghiệp dựa vào cộng đồng, chủ đồn điền quy mô lớn và các thực thể/đơn vị nhà nước (liên kết với các nguyên tắc 8, 9, 11).

Hướng dẫn 3.5. Sử dụng các công cụ về không gian rõ ràng để xác định các khu vực phù hợp nhất cho Nông lâm kết hợp trên cảnh quan, dựa theo sự phù hợp về môi trường, xã hội và kinh tế để đảm bảo tác động có lợi, quy mô lớn⁷ (liên kết với Nguyên tắc 11)

Hướng dẫn 3.6. Tôn trọng, sử dụng và/hoặc kết hợp các hệ thống kiến thức truyền thống trong

nghiên cứu khoa học, lập kế hoạch và ra quyết định (liên kết với Nguyên tắc 8).

Hướng dẫn 3.7. Đảm bảo sự đóng góp của Nông lâm kết hợp với các mục đích ở địa phương, phù hợp với các mục đích quốc gia, các thỏa thuận khung, chiến lược và chương trình hành động của ASEAN, cũng như các công ước, hiệp ước, hiệp định, mục đích và chiến lược quốc tế.

4.2. Các nguyên tắc về kinh tế

Nguyên tắc 4: Công nhận giá trị của hàng hóa và dịch vụ hệ sinh thái

Nông lâm kết hợp cung cấp nhiều lợi ích dưới dạng hàng hóa và dịch vụ hệ sinh thái cho thị trường, hộ gia đình và môi trường. Nông lâm kết hợp thường là tập quán truyền thống, trong đó nông dân đóng vai trò là người quản lý đất đai, và họ cần được công nhận, khen thưởng hoặc đền bù cho các khoản đầu tư dài hạn của mình, như qua thu nhập trực tiếp từ các sản phẩm Nông lâm kết hợp và/hoặc thông qua thưởng/chi trả cho các loại hình dịch vụ hệ sinh thái. Nguyên tắc này bao gồm, nhưng không giới hạn, những hướng dẫn sau:

Hướng dẫn 4.1. Tuyên truyền, quảng bá tất cả các hàng hóa từ Nông lâm kết hợp (ví dụ: hàng hóa và sản phẩm thô để tiêu thụ và bán),

⁷ Ví dụ, Bộ công cụ của FAO về Quản lý Rừng Bền vững (<http://www.fao.org/sustainable-forest-management/toolbox/tools/en/>) và bộ công cụ của Trung tâm Nghiên cứu Nông Lâm Thế giới (http://www.worldagroforestry.org/output?field_type_tid=756) và công cụ Lập KHSĐ đất hướng tới đa lợi ích về môi trường (LUMENS: <http://www.worldagroforestry.org/region/sea/publications/detail?pubID=3447>)

bằng các nhãn hiệu và/hoặc chứng chỉ riêng, như qua hội chợ thương mại hoặc ‘xanh’, và tăng cường hỗ trợ cho các hộ sản xuất nhỏ, từ đó đạt được quy mô kinh tế để hưởng lợi nhiều hơn từ chuỗi giá trị của Nông lâm kết hợp.

Hướng dẫn 4.2. Tôn trọng kiến thức địa phương trong việc sử dụng các sản phẩm Nông lâm kết hợp cho các mục đích khác nhau, bao gồm an ninh lương thực và dinh dưỡng, thăm dò sinh học và thương mại hóa, đảm bảo chia sẻ lợi ích công bằng giữa các bên liên quan (liên quan tới các nguyên tắc 8, 9).

Hướng dẫn 4.3. Đưa ra các khuyến khích dài hạn, chi trả hoặc đền đáp cho các dịch vụ hệ sinh thái do Nông lâm kết hợp mang lại, cần thiết cho đảm bảo chức năng lưu vực, phục hồi đất, tích tụ các-bon và cải thiện đa dạng sinh học, trong đó phần lớn là hàng hóa công cộng (liên kết với Nguyên tắc 6).

Hướng dẫn 4.4. Tích hợp dữ liệu nông lâm kết hợp vào cơ sở dữ liệu toàn cầu, khu vực và quốc gia, ví dụ, cây thân gỗ trong trang trại, các loại hình Nông lâm kết hợp và các-bon, khả năng giảm thiểu rủi ro thiên tai, phân bố địa lý, năng suất, lợi nhuận và cách thức áp dụng.

Nguyên tắc 5: Tạo môi trường cho đầu tư và thị trường Nông lâm kết hợp

Việc tạo lập của các quốc gia thành viên ASEAN về môi trường cho phép thực hiện với các ưu đãi trực tiếp và gián tiếp khuyến khích các nhà đầu tư doanh nghiệp và nông hộ nhỏ đầu tư dài hạn vào Nông lâm kết hợp. Các khoản đầu tư như vậy có thể được định hướng thị trường ngoại trừ trong trường hợp sản xuất cho sinh hoạt tại các khu vực mà ở đó tiếp cận thị trường và các yếu tố khác gây ra các rào cản lớn. Cơ chế thị trường mới, có thể cần thiết nhưng có thể có những ảnh hưởng về kinh tế và xã hội trái ngược nhau, do đó, việc phát triển môi trường cho phép đầu tư vào Nông lâm kết hợp phải phù hợp với Nguyên tắc của ASEAN về Đầu tư có trách nhiệm. Nguyên tắc này bao gồm, nhưng không giới hạn, những hướng dẫn sau đây.

Hướng dẫn 5.1. Xác định và phát triển các cơ chế tài chính, bao gồm các chương trình tín dụng vì người nghèo (ví dụ, với thời gian hoàn vốn dài hơn và lãi suất thấp hơn) để hỗ trợ các mô hình kinh doanh Nông lâm kết hợp cho các hộ sản xuất nhỏ và doanh nghiệp vừa và nhỏ.

Hướng dẫn 5.2. Cung cấp các chính sách hỗ trợ đầu tư dài hạn nhưng linh hoạt và lập kế hoạch sử dụng đất ở cấp quốc gia và địa phương tạo niềm tin cho các nhà xuất vốn đầu tư vào Nông lâm kết hợp.

Hướng dẫn 5.3. Hỗ trợ kỹ thuật và xúc tiến thương mại để phát triển chuỗi giá trị (sản phẩm) Nông lâm kết hợp và tạo liên kết thị trường (liên quan với Nguyên tắc 4).

Hướng dẫn 5.4. Đưa ra các quy trình minh bạch và đơn giản cho chế biến và tiếp thị các sản phẩm nông lâm kết hợp nhằm khuyến khích đầu tư quy mô nhỏ và quy mô lớn.

Hướng dẫn 5.5. Loại bỏ các biến thể về kinh tế do ảnh hưởng từ các lĩnh vực khác làm giảm giá trị của các sản phẩm Nông lâm kết hợp, hoặc hạn chế cơ hội cho các nhà đầu tư Nông lâm kết hợp, đặc biệt là các nông hộ sản xuất nhỏ.

Hướng dẫn 5.6. Cung cấp một loạt các khuyến khích trực tiếp và gián tiếp cho các can thiệp Nông lâm kết hợp có lợi cho xã hội (liên quan tới Nguyên tắc 4).

4.3. Các nguyên tắc về môi trường

Nguyên tắc 6: Duy trì và tăng cường các dịch vụ hệ sinh thái ở quy mô trang trại và cảnh quan.

Các trang trại Nông lâm kết hợp thường nằm trong các cảnh quan, có chức năng đa mục đích trong cùng một thời gian. Trong nhiều trường hợp, các trang trại nằm ở vùng cao và

vùng đầu nguồn trọng yếu. Vì vậy, các hoạt động Nông lâm kết hợp, thêm vào việc sản xuất hàng hóa, còn có tác động đến cung cấp các dịch vụ hệ sinh thái. Do đó, phát triển Nông lâm kết hợp phải đảm bảo các dịch vụ hệ sinh thái do các cảnh quan này tạo ra phải được bảo tồn, phục hồi hoặc cải thiện. Lên kế hoạch cẩn trọng và quản lý Nông lâm kết hợp hợp lý cần được thúc đẩy để đạt được mục tiêu lợi ích sinh thái mà không làm suy yếu lợi ích kinh tế và các lợi ích khác. Nguyên tắc này bao gồm, nhưng không giới hạn, những hướng dẫn sau:

Hướng dẫn 6.1. Đảm bảo rằng các can thiệp Nông lâm kết hợp được lên kế hoạch với mục đích đạt được nhiều lợi ích đồng thời về kinh tế, xã hội và môi trường ở các quy mô khác nhau từ trang trại đến cấp cảnh quan (liên quan tới các nguyên tắc 3, 11).

Hướng dẫn 6.2. Nhận thức và đánh giá các tác động tích cực của Nông lâm kết hợp trong việc duy trì và tăng cường các dịch vụ hệ sinh thái, bao gồm phục hồi chức năng rừng và cảnh quan, phục hồi đất bị thoái hóa, giảm xói mòn đất, giảm thiểu biến đổi khí hậu và chống sa mạc hóa (liên quan tới các nguyên tắc 4, 11).

Hướng dẫn 6.3. Thực hiện đánh giá tác động môi trường trước khi triển khai các can thiệp Nông lâm kết hợp quy mô lớn, bao gồm

thiết lập cơ sở dữ liệu ban đầu để theo dõi tác động lên các dịch vụ hệ sinh thái.

Hướng dẫn 6.4. Thúc đẩy lợi ích đa dạng sinh học có thể so sánh được để bù đắp cho bất kỳ tổn thất hoặc thiệt hại không thể tránh khỏi do sự phát triển của Nông lâm kết hợp tạo ra sau khi áp dụng các biện pháp giảm thiểu.

Hướng dẫn 6.5. Phát triển và thực hiện các thực hành tiêu chuẩn trên thực tiễn trong thiết lập và quản lý các can thiệp Nông lâm kết hợp đảm bảo đóng góp của chúng cho các dịch vụ hệ sinh thái (liên quan tới các nguyên tắc 11, 12).

Nguyên tắc 7: Hiểu và quản lý sự đánh đổi (lợi ích)

Đánh đổi là sự cân bằng các lợi ích không thể đạt được cùng một lúc. Hiểu và quản lý sự đánh đổi có tầm quan trọng đặc biệt khi giới thiệu Nông lâm kết hợp, khi cây thân gỗ, hoa màu, thủy sản và gia súc được sản xuất trên cùng một đơn vị đất đai. Sự đánh đổi phát sinh cả về mặt không gian liên quan đến việc sắp xếp các thành phần khác nhau trong Nông lâm kết hợp và theo thời gian, ví dụ việc kết hợp cây thân gỗ như một phần của hệ thống canh tác có thể dẫn đến chu kỳ dài hơn giữa đầu tư và lợi nhuận. Để hiểu rõ hơn và quản lý các đánh đổi lợi ích, nguyên tắc này bao gồm, nhưng không giới hạn, các hướng dẫn sau

Hướng dẫn 7.1. Sử dụng các phương pháp có sự tham gia để hiểu quyết định của nông hộ sản xuất nhỏ, các doanh nghiệp của nông dân quy mô vừa và lớn để sản xuất dài hạn và bền vững, cùng với xem xét nhu cầu của các thành viên khác nhau trong gia đình (đặc biệt là phụ nữ và thanh niên), công nghiệp và thị trường (liên quan tới các nguyên tắc 3, 11, 12).

Hướng dẫn 7.2. Dự báo mức độ của khả năng đánh đổi, hỗ trợ ra quyết định bằng cách định lượng chi phí và lợi ích kinh tế và môi trường của các can thiệp Nông lâm kết hợp. Chi phí là đầu vào như đất đai, lao động và đầu tư tài chính trong khi lợi ích là đầu ra như cây thân gỗ, hoa màu, các sản phẩm chăn nuôi và/hoặc dịch vụ hệ sinh thái (liên kết với các nguyên tắc 4, 6).

Hướng dẫn 7.3. Xem xét thu nhập bị mất đi của nông dân và các nhà đầu tư, đặc biệt là trong những năm đầu thiết lập Nông lâm kết hợp, tìm cách thức/biện pháp giảm thiểu và quản lý sự đánh đổi, ví dụ, qua tín dụng dài hạn, lãi suất thấp, miễn thuế, bảo hiểm ưu đãi và hỗ trợ cho việc cung cấp các dịch vụ hệ sinh thái (liên quan tới các nguyên tắc 4, 5, 6).

4.4. Các nguyên tắc văn hóa-xã hội

Nguyên tắc 8: Công nhận và tôn trọng kiến thức, truyền thống và lựa chọn địa phương

Các chuẩn mực xã hội, hệ thống giá trị văn hóa và tri thức địa phương/truyền thống nên được xem xét trong việc lập kế hoạch và thực hiện các can thiệp Nông lâm kết hợp. Nguyên tắc này bao gồm, nhưng không giới hạn, những hướng dẫn sau:

Hướng dẫn 8.1. Công nhận và tôn trọng các hệ thống giá trị tập tục/truyền thống thuộc địa phương, bao gồm cả kiến thức và thực tiễn bản địa, của các cộng đồng là mục tiêu được hướng tới cho các can thiệp nông lâm kết hợp (liên quan tới các nguyên tắc 4, 10).

Hướng dẫn 8.2. Bảo đảm sự chấp nhận của các bên liên quan tại địa phương cho các đầu tư Nông lâm kết hợp lớn/chủ yếu qua tiến trình đồng thuận tự do, trước và được thông tin/thông báo (liên quan tới Nguyên tắc 10)⁸.

Hướng dẫn 8.3. Đảm bảo kiến thức và quyền lựa chọn về các giải pháp Nông lâm kết hợp (ví dụ, các loại cây thân gỗ và cây mùa vụ, giống và loại vật nuôi), mục đích và thực tiễn của địa phương được xem xét khi tiến hành nghiên cứu, trong quá trình lập kế hoạch và ra quyết định (liên quan tới các nguyên tắc 3, 4, 10, 11, 12).

Hướng dẫn 8.4. Nhận thức và giải quyết vấn đề cốt yếu của người dân địa phương về đào tạo, công nghệ, đất đai và tài nguyên, cơ sở hạ tầng vật chất và thông tin thị trường, đặc biệt là đối với người dân bản địa và dân tộc thiểu số (liên quan tới Nguyên tắc 3).

Hướng dẫn 8.5. Thiết lập cơ sở dữ liệu về Kinh tế - Văn hóa - Xã hội để theo dõi tiến độ và đánh giá tác động, cũng như tuân thủ luật phúc lợi xã hội, hướng dẫn đầu tư được các quốc gia thành viên ASEAN thông qua và luật pháp quốc tế hiện hành.

Hướng dẫn 8.6. Ngăn ngừa sự loại trừ hoặc xa lìa cộng đồng địa phương bằng các khoản đầu tư Nông lâm kết hợp lớn (liên quan tới các nguyên tắc 3, 8, 9).

Nguyên tắc 9 Hỗ trợ công bằng giới và hòa nhập xã hội

Hòa nhập xã hội và công bằng giới cần được xem xét khi xây dựng chính sách,

8 Sổ tay của FAO về qui tắc tự do, báo trước, được cung cấp thông tin và đồng thuận: <https://www.un.org/development/desa/indigenouspeoples/publications/2016/10/free-prior-and-informed-consent-an-indigenous-peoples-right-and-a-good-practice-for-local-communities-fao/>

lập kế hoạch và thực hiện các can thiệp Nông lâm kết hợp. Các can thiệp này phải được tất cả các nhóm xã hội tiếp cận, bao gồm các nhóm yếu thế, chẳng hạn như người dân bản địa và dân tộc thiểu số, cũng như thanh niên. Sự khác biệt về giới nên được xem xét và tiềm lực tổng hợp về giới cần được thúc đẩy trong Nông lâm kết hợp. Việc thực hiện các hướng dẫn theo nguyên tắc này phải phù hợp với Nguyên tắc của ASEAN về công bằng Giới. Nguyên tắc này bao gồm, nhưng không giới hạn, những hướng dẫn sau:

Hướng dẫn 9.1. Thừa nhận tầm quan trọng của công bằng giới và hòa nhập xã hội trong việc ra quyết định, thiết kế và thực hiện các can thiệp nông lâm kết hợp.

Hướng dẫn 9.2. Đảm bảo sự tham gia mang lại lợi ích từ các can thiệp Nông lâm kết hợp bởi các hộ sản xuất nhỏ và các nhóm bị thiệt thòi về mặt xã hội, như người bản địa/người dân/nhóm dân tộc, cư dân bị di dời.

Hướng dẫn 9.3. Đảm bảo rằng các nhóm yếu thế xã hội được hưởng lợi từ, hoặc không bị ảnh hưởng bất lợi do các khoản đầu tư Nông lâm kết hợp quy mô lớn hoặc tổ chức đoàn thể (liên quan tới các nguyên tắc 8, 10).

Hướng dẫn 9.4. Đảm bảo các can thiệp Nông lâm kết hợp làm tăng cường công bằng giới bằng cách

hiểu rõ sự khác biệt về vai trò giới, ra quyết định, hạn chế và cơ hội và tìm cách cải thiện sự tiếp cận của phụ nữ tới các cơ hội về Nông lâm kết hợp (bao gồm thông tin, công nghệ, tài chính) và các lợi ích liên quan.

Hướng dẫn 9.5. Đảm bảo các lựa chọn hoặc công nghệ Nông lâm kết hợp được giới thiệu là cần trọng về giới đặc biệt là khi đề cập đến yêu cầu lao động phụ nữ.

Hướng dẫn 9.6. Tăng cường năng lực của các hệ thống nghiên cứu và khuyến nông quốc gia và các tổ chức phi chính phủ để thực hiện các can thiệp Nông lâm kết hợp, có tính đến các yếu tố xã hội và hòa nhập về giới (liên quan tới Nguyên tắc 2).

Nguyên tắc 10: Đảm bảo các biện pháp an toàn và quyền hưởng dụng

Các can thiệp Nông lâm kết hợp rất có thể sẽ tạo ra xung khắc giữa các bên liên quan trong các khu vực mà quyền đối với đất đai và tài nguyên thiên nhiên không rõ ràng. Do vậy, các biện pháp bảo vệ các quyền hưởng dụng là đặc biệt quan trọng để đảm bảo các can thiệp Nông lâm không đe dọa đến các quyền cộng đồng hoặc ảnh hưởng xấu đến kết cấu xã hội và sinh kế của cộng đồng địa phương. Nguyên tắc này bao gồm, nhưng không giới hạn, những hướng dẫn sau.

Hướng dẫn 10.1. Hiểu rõ quyền hưởng dụng của các bên liên quan trong các khu vực/diện tích xác định cho các can thiệp Nông lâm kết hợp lớn, đặc biệt là các can thiệp bằng các khoản đầu tư của doanh nghiệp⁹.

Hướng dẫn 10.2. Thu hút các bên liên quan tham dự các cuộc đối thoại khi lập kế hoạch về các giải pháp can thiệp chính bằng Nông lâm kết hợp, tôn trọng nguyện vọng và quyền của họ, đảm bảo sự tham gia Nông lâm kết hợp và quyền lợi của nông dân không bị đe dọa hoặc thay thế bởi các khoản đầu tư Nông lâm kết hợp quy mô lớn (liên quan tới các nguyên tắc 3, 7, 8, 9).

Hướng dẫn 10.3. Đảm bảo an toàn về quyền sử dụng đất của các bên liên quan tham gia vào và/hoặc ảnh hưởng bởi các can thiệp Nông lâm kết hợp, tránh xung đột xã hội và đảm bảo thu lợi nhuận từ các khoản đầu tư.

Hướng dẫn 10.4. Đảm bảo sự đồng thuận (tự nguyện, được thông báo trước và cung cấp thông tin đầy đủ) của các chủ nắm quyền,

những người có thể bị ảnh hưởng bất lợi hoặc bị ảnh hưởng bởi các can thiệp Nông lâm kết hợp và cần bồi thường cho những thiệt hại không thể tránh khỏi xảy ra (liên quan đến các nguyên tắc 7, 8).

4.5. Nguyên tắc thiết kế kỹ thuật

Nguyên tắc 11 Thiết kế các lựa chọn nông lâm kết hợp dựa trên bối cảnh

Để các hệ thống và giải pháp về nông lâm kết hợp tồn tại được thì sự thành công của chúng phụ thuộc vào việc thiết kế thực tế dựa trên bối cảnh địa phương có tính đến các điều kiện của khu vực, quốc gia và toàn cầu. Mục đích chính của nông lâm kết hợp là đồng thời đạt được lợi ích về kinh tế, văn hóa xã hội và môi trường. Tương tác được mất thường xảy ra, nhưng Nông lâm kết hợp được thiết kế hợp lý có thể cùng một lúc cung cấp nhiều lợi ích và đáp ứng nhu cầu của các bên liên quan khác nhau. Để đạt được lợi ích tối ưu trong Nông lâm kết hợp, nguyên tắc này gồm, nhưng không giới hạn ở những hướng dẫn sau:

Hướng dẫn 11.1. Cung cấp các công cụ hỗ trợ ra quyết định, thân thiện với người sử dụng cho các bên liên quan cùng đánh giá thông tin, xác định các cơ hội và ràng buộc, đưa ra các lựa chọn sáng suốt về các lựa chọn Nông lâm

9 Một số các công cụ và hướng dẫn có sẵn để đánh giá các quyền chiếm hữu/sử dụng đất đai của FAO *Voluntary Guidelines on the Responsible Governance of Tenure of Land, Fisheries and Forests in the Context of National Food Security*. <http://www.fao.org/docrep/016/i2801e/i2801e.pdf>.

kết hợp. Hỗ trợ ra quyết định bao gồm thông tin và bộ dữ liệu về các thông số lý sinh như: địa hình, cách thức sử dụng đất, đất đai, nhiệt độ và lượng mưa... và thống kê kinh tế xã hội, gồm cả vấn đề giới, thông tin thị trường, cơ sở hạ tầng và các chính sách liên quan.

Hướng dẫn 11.2. Đảm bảo các lựa chọn Nông lâm kết hợp được chọn lựa dựa trên nhu cầu, lợi ích hoặc mục đích cụ thể của cá nhân (nông hộ nhỏ, chủ sở hữu lớn, công ty) và của các thể chế khác (chính phủ, phi chính phủ), có tính đến những thay đổi có thể về hình thái khí hậu điều kiện kinh tế và các chính sách trong tương lai (liên quan tới các nguyên tắc 3, 7, 8, 9).

Hướng dẫn 11.3. Thiết kế các lựa chọn Nông lâm kết hợp dựa trên bối cảnh địa phương có liên quan đến lý sinh, kinh tế xã hội (gồm nguồn lực lao động và khả năng đầu tư/chi trả), văn hóa, cơ sở hạ tầng, thị trường và điều kiện chính sách (liên kết với hướng dẫn 12.2 và nguyên tắc 3, 5, 9, 10), xem xét về mặt thời gian (ví dụ, luân canh cây trồng, hoa màu, chăn nuôi, cá) và không gian (ví dụ, sự sắp xếp không gian của các thành phần trong hệ thống) của Nông lâm kết hợp.

Hướng dẫn 11.4. Với mục đích mang lại lợi ích tối ưu, cần đảm bảo các giải pháp Nông lâm kết hợp được thiết kế mang lại lợi ích kinh tế đồng thời với lợi ích văn hóa xã hội và môi trường, xem xét đến bối cảnh địa phương, gồm các điều kiện văn hóa xã hội (liên quan tới các nguyên tắc 2, 9) và tình trạng sở hữu đất của các bên liên quan trực tiếp (liên quan tới Nguyên tắc 10).

Hướng dẫn 11.5. Đảm bảo các phương án Nông lâm kết hợp được chọn lựa được thực hiện trong sự kết hợp với các công nghệ nông nghiệp thông minh với khí hậu¹⁰ và bảo tồn có thể áp dụng được, như cày theo đường đồng mức (đặc biệt là trên đất dốc), trồng cây che phủ, lớp che phủ bảo vệ cây trồng, làm luống hoặc không cày đất, sử dụng các giống chịu hạn và công nghiệp tiết kiệm nước.

Hướng dẫn 11.6. Cung cấp hướng dẫn kỹ thuật để đảm bảo quản lý đúng các lựa chọn Nông lâm kết

¹⁰ Xem thêm Hướng dẫn của ASEAN về thúc đẩy các thực hành tốt về Nông nghiệp thông minh với khí hậu, các ví dụ và khung hợp tác: <http://www.asean.org/wp-content/uploads/images/2015/October/ASEAN-Regional-Guidelines-on-Promoting-CSA-Practices/ASEAN%20Regional%20Guidelines%20on%20Promoting%20CSA%20Practices-endorsed%2037th%20AMAF.pdf>

hợp được chọn thông qua tài liệu đào tạo và khuyến nông để hỗ trợ giáo dục thường xuyên và học tập không ngừng (liên quan tới các nguyên tắc 2, 6).

Nguyên tắc 12: Chọn lựa các thành phần trong hệ thống Nông lâm kết hợp theo cách có sự tham gia

Lựa chọn và quyết định các thành phần cây thân gỗ, cây mùa vụ, vật nuôi và các loài cá/thủy sản liên quan về mặt không gian và thời gian của nông lâm kết hợp là mấu chốt để thành công. Tùy thuộc vào mục tiêu (ngắn đến trung hạn hoặc dài hạn) của nông hộ nhỏ, chủ sở hữu lớn hoặc công ty; nguồn lực sản xuất của họ (quy mô đất đai, lao động, vốn); và các mối quan tâm khác, như thời gian giao sử dụng đất và thị trường, chọn lựa thận trọng các thành phần trong Nông lâm kết hợp phải dựa trên quan niệm: “Đúng loài cây thân gỗ, cây hoa màu, vật nuôi và/hoặc cá hay thủy sản đúng nơi, đúng mục đích”. Nguyên tắc này bao gồm, nhưng không giới hạn, những hướng dẫn sau:

Hướng dẫn 12.1. Xác định các loài cây trồng, vật nuôi và/hoặc thủy sản phù hợp với các điều kiện lý sinh (nhiệt độ, lượng mưa, độ cao và đất) của các khu vực mục tiêu cho Nông lâm kết hợp bằng cách chú ý sự tồn tại của chúng trong các khu vực và tại các địa điểm tương tự (liên quan tới nguyên tắc 11). Xem xét những thay đổi trong

tương lai của chế độ khí hậu khi chọn loài và giống đưa vào trong hệ thống Nông lâm kết hợp. Tốt nhất là trong quá trình chọn lựa cần phải có khảo sát thị trường về các loài và giống để xác định thị trường của chúng và thiết kế chiến lược tốt hơn nhằm tiếp thị các sản phẩm Nông lâm kết hợp (liên quan tới nguyên tắc 11).

Hướng dẫn 12.2. Thực hiện khảo sát hoặc hội thảo với các bên liên quan tại địa phương để xác định việc sử dụng ưu tiên (hàng hóa và dịch vụ) của họ đối với cây trồng, hoa màu, vật nuôi, cá và các loài cụ thể mà họ muốn canh tác; đảm bảo quy trình này mang tính bao trùm và công bằng. Khi cần thiết, tổ chức các nhóm khảo sát riêng cho nam, nữ, thanh niên và các nhóm yếu thế để đảm bảo tất cả có thể cung cấp thông tin đầu vào (liên quan tới các nguyên tắc 8, 9, 10, 11).

Hướng dẫn 12.3. Kiểm tra và áp dụng các hướng dẫn kỹ thuật hiện có được thông qua bởi các quốc gia thành viên ASEAN liên quan đến lựa chọn, chất lượng, nguồn cung ứng, phân phối và quản lý giống cũng như thực hiện các bước liên quan tương tự đến lựa chọn các loài vật nuôi và thủy sản và nhân giống. Đảm bảo cây trồng bản địa, vật nuôi và các loài thủy

sản và/hoặc giống không bị ảnh hưởng bất lợi bởi các loài và/hoặc giống ngoại lai được đưa vào giới thiệu trong các hệ thống Nông lâm kết hợp.

Hướng dẫn 12.4. Đảm bảo sự tham gia tích cực của các bên liên quan chủ chốt, đặc biệt là nông dân, nhà đầu tư, cán bộ khuyến nông và các cơ quan chính phủ trong việc ra quyết định liên quan đến các thành phần trong hệ thống Nông lâm kết hợp.

4.6. Các nguyên tắc truyền thông và nhân rộng

Nguyên tắc 13: Truyền thông hiệu quả kiến thức Nông lâm kết hợp

Xem xét việc thiếu kiến thức cụ thể về phát triển và quản lý Nông lâm kết hợp giữa các quốc gia thành viên ASEAN, cũng như tính chất đa dạng và phức tạp của các hệ thống và thực hành Nông lâm kết hợp, quản lý và truyền đạt kiến thức Nông lâm kết hợp mang tính quan trọng cốt yếu đối với các nhà hoạch định chính sách, nông dân, nhà đầu tư và thương nhân... để khuyến khích việc áp dụng phát triển Nông lâm kết hợp rộng rãi và liên tục. Nguyên tắc này bao gồm, nhưng không giới hạn, những hướng dẫn sau:

Hướng dẫn 13.1. Xác định kiến thức,

nhu cầu truyền thông và khoảng trống của các bên liên quan - gồm nông dân, cơ quan khuyến nông và tư vấn, chính quyền địa phương và quốc gia, các bên tham gia thị trường, nhà đầu tư... thông qua các phương pháp có sự tham gia để cung cấp hỗ trợ phù hợp theo yêu cầu.

Hướng dẫn 13.2 Trao đổi thông tin rõ ràng giữa tất cả các bên liên quan trong một khu vực cảnh quan và/ hoặc chuỗi giá trị, bằng các ngôn ngữ và hình thức thông dụng - bao gồm, nhưng không giới hạn, tài liệu nghe nhìn, các cuộc họp lớn và nhỏ, hội thảo kỹ năng, tập huấn hiện trường và các mô hình trình diễn... để hiểu tốt hơn các vấn đề đối mặt khi áp dụng Nông lâm kết hợp.

Hướng dẫn 13.3. Tăng cường quản lý kiến thức và năng lực truyền thông của các tổ chức chịu trách nhiệm và những người đã tham gia vào Nông lâm kết hợp, gồm cả các đối tác của họ ở cấp quốc gia và địa phương, để hình thành và chia sẻ kiến thức và kỹ năng hiệu quả hơn, cung cấp hướng dẫn kỹ thuật, tạo điều kiện cho việc lập kế hoạch và ra quyết định ở các cấp độ khác nhau, theo dõi kết quả và tác động, thúc đẩy các phương pháp, kết quả và thành tựu theo mức cụ thể và rộng rãi,

hỗ trợ huy động tài chính cho nghiên cứu và phát triển Nông lâm kết hợp.

Hướng dẫn 13.4. Cung cấp đầy đủ nguồn lực cho kiến thức quản lý và truyền thông để đảm bảo tất cả các bên liên quan được thông tin, có thể tham gia thảo luận, có khả năng tăng kiến thức và kỹ năng của họ và có thể liên tục thích ứng và cải tiến.

Nguyên tắc 14: Lập kế hoạch mở rộng hiệu quả và bền vững

Cần nhắc tính đặc thù bối cảnh của các can thiệp Nông lâm kết hợp, Nông lâm kết hợp phải được lên kế hoạch cẩn trọng, tính đến các quan điểm tổng quan và theo bối cảnh. Các yêu cầu cho mở rộng Nông lâm kết hợp để đạt được tác động lâu dài phải được xác định kỹ lưỡng. Nguyên tắc này bao gồm, nhưng không giới hạn, những hướng dẫn sau.

Hướng dẫn 14.1. Thu hút các bên liên quan và các ngành vào xây dựng kế hoạch nhân rộng các can thiệp Nông lâm kết hợp (liên quan tới nguyên tắc 3).

Hướng dẫn 14.2. Hiểu và nắm bắt được tiềm năng và giới hạn lớn nhất đối với việc mở rộng quy mô Nông lâm kết hợp, bằng cách xác định rõ các cơ hội bên trong và bên ngoài, bao gồm các điều kiện lý sinh, xã hội, văn hóa, lao động và thị trường, cũng như các chiến lược và kế hoạch của các ngành

liên quan có thể có tác động đến mở rộng quy mô được đề xuất.

Hướng dẫn 14.3. Đảm bảo các yêu cầu để nhân rộng được các bên liên quan hiểu rõ và giải quyết toàn bộ hoặc một phần tại các địa điểm can thiệp hướng tới.

Hướng dẫn 14.4. Cần hiểu được trọng tâm của việc mở rộng, có thể là khía cạnh kỹ thuật hoặc thể chế của Nông lâm kết hợp hoặc cả hai. Các khía cạnh kỹ thuật bao gồm lựa chọn cây trồng, hoa màu, vật nuôi và/hoặc các loài thủy sản, các thành phần hệ thống, thực hành thiết kế và quản lý, các tác động dự kiến tới trang trại và cảnh quan. Các khía cạnh thể chế bao gồm tổ chức các hộ sản xuất nhỏ, xây dựng quan hệ đối tác, phương pháp đào tạo và cơ chế tài trợ.

Hướng dẫn 14.5. Thống nhất về các phương thức thích hợp để nhân rộng trong các hoàn cảnh cụ thể, bao gồm các tác nhân chính tham gia, ví dụ, chính quyền địa phương, công ty tư nhân, nhóm sản xuất, cơ quan khuyến nông.

Hướng dẫn 14.6. Định kỳ xem xét lại các cách tiếp cận mở rộng, tiến trình và các kết quả đạt được để giải quyết những khoảng trống/thiếu sót, vấn đề và cơ hội hoặc đưa ra các biện pháp bố trí nguồn lực.

CHƯƠNG 5

LƯU Ý THỰC HIỆN

Những nguyên tắc và hướng dẫn được trình bày tạo khung cơ sở hỗ trợ cho thảo luận xây dựng các chính sách, chiến lược, chương trình và dự án Nông lâm kết hợp của các quốc gia thành viên ASEAN. Ở đây cũng đưa ra hướng dẫn cho đầu tư Nông lâm kết hợp của khu vực tư nhân. Với mục đích thực hiện, cần tuân thủ các hướng dẫn kỹ thuật liên quan đến Nông lâm kết hợp phù hợp các vùng sinh thái và văn hóa xã hội cụ thể ở các quốc gia thành viên ASEAN. Một số lưu ý thực hiện cần được thảo luận dưới đây.

5.1. Sắp xếp và vai trò thể chế

Chính phủ và các cơ quan ở các cấp khác nhau tại các quốc gia thành viên ASEAN, các tổ chức phi chính phủ, hiệp hội và hợp tác xã của nông dân, các tổ chức cộng đồng, khu vực tư nhân (các hộ sản xuất nhỏ hoặc lớn, các doanh nghiệp vừa và nhỏ, các công ty) tất cả đóng vai trò khác nhau. Nỗ lực phối hợp là cần thiết để tạo ra một môi trường cho phép, nâng cao năng lực tổ chức và hợp tác liên ngành cũng như và ra quyết định có sự tham gia (nguyên tắc 1, 2, 3). Xác định các bên liên quan chính và hiểu vai trò, nhu cầu và nguyện vọng của họ là bước

đầu tiên cần thiết để tạo môi trường thuận lợi cho Nông lâm kết hợp.

Các can thiệp nông lâm thành công cần có sự hỗ trợ của chính phủ thông qua các chính sách và chương trình được tài trợ, mang lại lợi ích cạnh tranh so với sản xuất thương mại nông nghiệp độc canh. Như được xây dựng trong Nguyên tắc 1, các quốc gia thành viên ASEAN cần xác định tổ chức chuyên trách chịu trách nhiệm phát triển Nông lâm kết hợp ở nước mình. Lâm nghiệp xã hội là một trong nhiều chương trình và cơ chế quốc gia, trong đó Nông lâm kết hợp có thể được thực hiện với sự hỗ trợ chính sách và nguồn tài trợ. Nhiều quốc gia thành viên ASEAN có các chương trình lâm nghiệp xã hội với các kế hoạch và mục tiêu cải thiện sinh kế của người dân sống gần rừng, trong khi vẫn bảo vệ và quản lý rừng bền vững; Nông lâm kết hợp đóng một vai trò quan trọng trong việc đạt được những mục tiêu này.

Các nhà đầu tư khu vực tư nhân đóng vai trò quan trọng trong phát triển Nông lâm kết hợp, đặc biệt là các công ty nông nghiệp quan tâm đến sản xuất bền vững nhằm mục đích có được chứng nhận cho phép họ phát triển các thương hiệu sản phẩm thân thiện với môi trường.

Các tổ chức nghiên cứu và các trường đại học quốc gia cần tham gia vào nghiên cứu, đào tạo và giáo dục Nông lâm kết hợp nhằm 1) liên tục tạo ra kiến thức và bằng chứng về Nông lâm kết hợp để điều chỉnh và/hoặc hoàn thiện các khuyến nghị kỹ thuật và chính sách; 2) phát triển các công cụ và phương pháp để tạo kiến thức, giám sát và đánh giá tác động; và 3) hỗ trợ học tập, giáo dục và phổ biến kiến thức liên tục. Nghiên cứu cơ bản và ứng dụng trong Nông lâm kết hợp nên được thực hiện theo cách có sự tham gia (nguyên tắc 3, 8, 9).

Khuyến lâm và khuyến nông hay dịch vụ tư vấn nông thôn ở các nước thành viên ASEAN đóng vai trò quan trọng trong việc chia sẻ kiến thức và kinh nghiệm, đào tạo và xây dựng đội ngũ cán bộ khuyến nông lâm với các kỹ năng phù hợp để tạo điều kiện cho việc lập kế hoạch, thực hiện, giám sát và đánh giá Nông lâm kết hợp.

Các hội và hợp tác xã của nông dân và các tổ chức dựa vào cộng đồng cũng rất quan trọng trong việc hợp tác tạo ra kiến thức nông lâm kết hợp, chia sẻ kiến thức giữa nông dân với nông dân, áp dụng các biện pháp nông lâm phù hợp nhất với bối cảnh của họ trong mối tương quan đến các điều kiện sinh học, kinh tế-xã hội, văn hóa, thị trường và chính sách; củng cố nguyện vọng, mối quan tâm và sản phẩm của nông dân; và thúc đẩy đối thoại giữa các bên liên quan, bao gồm các nhà hoạch định chính sách và nhà đầu tư.

Các thành viên của CGIAR, Đối tác toàn cầu vì an toàn thực phẩm cho tương lai, cũng đóng một vai trò quan trọng qua cách liên kết các chương trình nghiên cứu của CGIAR với các chương trình nghị sự về Nông lâm kết hợp của các thành viên ASEAN và/hoặc trực tiếp thực hiện nghiên cứu cùng với các đối tác khu vực và quốc gia.

Cuối cùng, các tổ chức của Liên Hợp Quốc, đặc biệt là FAO, đóng vai trò quan trọng trong việc cung cấp hỗ trợ kỹ thuật, tư vấn chính sách và, nếu có thể, tài trợ cho việc thực hiện các hướng dẫn này.

5.2. Lập kế hoạch và huy động vốn

Do Nông lâm kết hợp không rõ ràng thuộc hẳn về nông nghiệp hay lâm nghiệp, các quốc gia thành viên ASEAN mong muốn phát triển chương trình Nông lâm kết hợp quốc gia, trước tiên, nên xem xét cơ sở hạ tầng thể chế cần thiết để thực hiện thành công chương trình quốc gia (nguyên tắc 1). Đứng đầu là các tổ chức được chỉ định trong các bộ có liên quan, một ủy ban đa ngành hoặc nhóm công tác đặc biệt có thể được thành lập để tạo thúc đẩy cho việc lập kế hoạch. Cách tiếp cận này phù hợp với Khung đa ngành của ASEAN về biến đổi khí hậu: Nông nghiệp, Ngư nghiệp và Lâm nghiệp đối với An ninh lương thực, cung cấp một cơ chế cho các hành động phối hợp.

Lập kế hoạch định hướng và lộ trình

phát triển Nông lâm kết hợp của các quốc gia thành viên ASEAN là một yêu cầu để chỉ ra hướng đi trong tương lai. Có nhiều cách để thúc đẩy phát triển Nông lâm kết hợp trong khu vực, bao gồm tạo môi trường đầu tư thuận lợi với các chính sách hỗ trợ nhằm kích thích mở cửa thị trường cho các sản phẩm Nông lâm kết hợp và lồng ghép Nông lâm kết hợp vào trong các chiến lược, kế hoạch và mục tiêu hiện tại, ví dụ, kế hoạch phát triển bền vững hoặc phát thải thấp, kế hoạch hành động quốc gia về REDD+, kế hoạch phát triển nông thôn, chương trình phục hồi đất, quy hoạch sử dụng đất và mức đóng góp do quốc gia tự quyết. Tìm kiếm các đối tác phát triển quốc tế và song phương của các quốc gia thành viên ASEAN để gắn kết với các chương trình phát triển của họ, hoặc kêu gọi trực tiếp cung cấp hỗ trợ tài chính cho các chương trình Nông lâm kết hợp của các quốc gia thành viên.

Lập kế hoạch cho các chương trình hoặc dự án Nông lâm kết hợp ở cấp quốc gia và địa phương đòi hỏi phải phân tích phạm vi và tình huống để xác định các vấn đề, thách thức, những chỗ còn thiếu và cơ hội. Nếu các tín hiệu tích cực mang lại cho các nhà đầu tư tiềm năng (các hộ sản xuất nhỏ, các công ty lớn, các tập đoàn) sự tự tin để đầu tư vào Nông lâm kết hợp, nghiên cứu khả thi tài chính và lập kế hoạch quản lý trung hạn và chiến lược dài hạn cần phải được thực hiện. Lập kế hoạch ở cấp cộng đồng địa phương, trang trại hoặc theo các lô

khoảnh nên được các cán bộ khuyến nông đã được đào tạo về Nông lâm kết hợp thực hiện (Nguyên tắc 2), gồm cả chọn lựa một số giải pháp Nông lâm kết hợp phù hợp nhất cho bối cảnh cụ thể, có xét đến các điều kiện về chính sách môi trường, xã hội, văn hóa, thị trường và chính sách cụ thể của họ (nguyên tắc 12).

5.3. Nghiên cứu và học hỏi thường xuyên

Cần nghiên cứu và học hỏi thường xuyên để hợp tác tạo ra kiến thức về Nông lâm kết hợp, không chỉ để củng cố các nỗ lực mở rộng các thực tiễn tốt nhất mà còn cho phép điều chỉnh các công nghệ và thực tiễn Nông lâm kết hợp nhằm giải quyết các thay đổi trong bối cảnh địa phương, bao gồm cả những thay đổi về các hình thái khí hậu trong tương lai và ảnh hưởng các yếu tố bên ngoài (nguyên tắc 3, 12). Tài liệu hóa và tổng hợp những thành công và thất bại của các mô hình nông lâm nghiệp trong quá khứ và hiện tại là một khởi đầu tốt để ưu tiên nghiên cứu vào các khía cạnh khác nhau của Nông lâm kết hợp. Nghiên cứu nên được định hướng hành động thực tế và được thực hiện theo mô hình tham gia và học tập-chia sẻ với các bên liên quan. Một phần trong quá trình lập kế hoạch có thể là xác định các tổ chức nghiên cứu và trường đại học có liên quan, hoặc quan tâm thực hiện nghiên cứu Nông lâm kết hợp và

hỗ trợ họ thực hiện các nỗ lực phối hợp để đảm bảo bổ sung thay vì các nỗ lực nghiên cứu trùng lặp. Cần phát triển chương trình giáo dục Nông lâm kết hợp để đảm bảo Nông lâm kết hợp được giảng dạy tại các cơ sở giáo dục đại học, dựa trên hoạt động của Mạng lưới giáo dục Nông Lâm kết hợp Đông Nam Á do Trung tâm Nghiên cứu Nông Lâm Thế giới thành lập vào cuối những năm 1990 do Cơ quan Hợp tác Phát triển Quốc tế Thụy Điển tài trợ, cũng như các mạng lưới giáo dục đại học khác hiện có trong khu vực. Những nỗ lực như vậy cũng phải phù hợp với các mục đích rộng hơn của các Bộ trưởng Bộ Giáo dục các nước ASEAN, Trung tâm khu vực Đông Nam Á về nghiên cứu và đào tạo sau đại học về nông nghiệp.

5.4. Giám sát và đánh giá

Trên quan điểm Nông lâm kết hợp có khả năng bổ sung lớn vào các đóng góp do quốc gia tự quyết (NDC), các mục tiêu cân bằng suy thoái đất, an ninh lương thực và các mục tiêu khác, định hướng và chiến lược khác mà Nông lâm kết hợp có thể đóng góp, các quốc gia thành viên ASEAN có thể đưa Nông lâm kết hợp vào kế hoạch giám sát, báo cáo và được xác minh. Bất kỳ quy trình giám sát nào cũng cần đảm bảo rằng các nguyên tắc sau được giải quyết thông qua các chương trình nông lâm kết hợp:

- 1) Học tập thường xuyên: chương trình nên đặt ra quá trình học tập lặp đi lặp lại để có được phản hồi và thông báo cho các bên liên quan. Chương trình học nên thích ứng trong việc chấp nhận phản hồi để cải thiện các hoạt động của nó.
- 2) Giám sát có sự tham gia và thân thiện với người dùng: việc phát triển các công cụ giám sát được thực hiện tốt nhất theo cách có sự tham gia để đảm bảo sự thân thiện cho người dùng.
- 3) Tăng cường năng lực của các bên liên quan: tham gia hiệu quả đòi hỏi phải có các kỹ năng và khả năng kỹ thuật, xã hội và tài chính. Tăng cường các năng lực này có thể làm tăng sự tham gia của các bên liên quan trong việc giám sát, đặc biệt là với các tổ chức, hợp tác xã và các nhóm sử dụng rừng của nông dân.

Ở cấp độ ASEAN, giám sát việc áp dụng thực hiện khuôn khổ này của các quốc gia thành viên cần được điều phối bởi nhóm ngành lương thực, Nông lâm nghiệp ASEAN bằng các công cụ giám sát đã được ASEAN áp dụng, như giám sát ASEAN về an ninh lương thực, môi trường và biến đổi khí hậu. Khung đa ngành của ASEAN về biến đổi khí hậu: Nông nghiệp, Ngư nghiệp và Lâm nghiệp đối với an ninh lương thực cũng có thể được sử dụng để theo dõi và đánh giá sự tiếp thu các hướng dẫn

của các quốc gia thành viên, đặc biệt là liên quan đến hợp tác đa ngành trong các quốc gia thành viên.

FAO cũng có thể xem xét giám sát và đánh giá tiến trình thực hiện các Nguyên tắc này của các quốc gia thành viên ASEAN, trên quan điểm cơ sở dữ liệu toàn cầu của FAO về độ che phủ của cây và cây bên ngoài rừng.

5.5. Quản lý kiến thức

Một trong nhiều vấn đề được đề cập trong phát triển Nông lâm kết hợp là thiếu nguồn thông tin và kiến thức tại các quốc gia thành viên ASEAN. Điều này không chỉ liên quan đến việc thiếu nhà tổ chức để nghiên cứu và phát triển Nông lâm kết hợp ở nhiều quốc gia thành viên ASEAN mà còn bởi vì kiến thức về Nông lâm kết hợp thường chỉ có sẵn như các bài báo khoa học, mà các nhà lập kế hoạch và hoạch định chính sách không dễ tiếp cận. Liên quan đến Nguyên tắc 13, kiến thức về Nông lâm kết hợp phải

được truyền đạt một cách hiệu quả, nhưng nó không thể được quản lý và truyền đạt một cách hiệu quả nếu trách nhiệm không được giao cho các cơ quan phù hợp. Do vậy, điều quan trọng đối với các quốc gia thành viên ASEAN là tạo ra một cơ sở để quản lý kiến thức Nông lâm kết hợp một cách hiệu quả và đảm bảo kiến thức đó có thể dễ dàng tiếp cận với nhiều người dùng. Nhiệm vụ của cơ sở này sẽ là thu thập và phân loại kiến thức Nông lâm kết hợp, thiết lập cơ sở hạ tầng công nghệ theo định hướng tri thức, như cổng thông tin điện tử và sử dụng màn hình (liên quan tới giám sát và đánh giá trong Phần 5.4). Quản lý kiến thức về Nông lâm kết hợp là một nhiệm vụ có thể giao cho một cơ quan đã có hoặc cơ quan thành lập mới như đã đề cập trong Nguyên tắc 1. Nhiệm vụ này có thể được chia sẻ với nhiều chủ sở hữu kiến thức và các bên trung gian, như các tổ chức nghiên cứu và trường đại học, cũng như các tổ chức phi chính phủ.

PHỤ LỤC 1. XÂY DỰNG HƯỚNG DẪN

Ý tưởng xây dựng hướng dẫn ASEAN về phát triển Nông lâm kết hợp được đưa ra trong nhiều cuộc thảo luận từ năm 2015 giữa các thành viên trong Đối tác ASEAN-Thụy Sĩ về Lâm nghiệp xã hội và biến đổi khí hậu, Nhóm công tác ASEAN về Lâm nghiệp xã hội và Ban thư ký của ASEAN về lương thực, nông nghiệp và lâm nghiệp, sau đó được thúc đẩy hơn thông qua Kế hoạch Chiến lược và Tầm nhìn cho Hợp tác ASEAN trong Lương thực, Nông nghiệp và Lâm nghiệp giai đoạn 2016-2025. Kế hoạch chiến lược này xác định Nông lâm kết hợp là một trong những chương trình hành động nhằm đạt được an ninh lương thực trước sự biến đổi khí hậu. Mặc dù vai trò và đóng góp của Nông lâm kết hợp trong các lĩnh vực này ngày càng rõ rệt trong các chiến lược và kế hoạch hành động quốc gia liên quan đến an ninh lương thực và dinh dưỡng, biến đổi khí hậu, tăng trưởng ‘xanh’ và phát triển bền vững, tuy nhiên việc thực hiện vẫn là một thách thức vì Nông lâm chưa có thể chế tổ chức của riêng tại các quốc gia. Nhiều nghiên cứu đề xuất rằng ngoài những thách thức từ việc ra quyết định đối với nông hộ và cấp độ trang trại thì rào cản chính là thiếu

cơ chế hỗ trợ chính sách và thực thi rõ ràng ở các quốc gia thành viên ASEAN. Để giải quyết vấn đề này, một hướng dẫn có thẩm quyền từ ASEAN về Nông lâm kết hợp là cần thiết để xây dựng các nguyên tắc và hướng dẫn, hỗ trợ sự phát triển mạnh hơn cho các chính sách, chương trình và đầu tư Nông lâm kết hợp.

Tại hội thảo các bên liên quan lần đầu được tổ chức tại Chiang Mai, Thái Lan tháng 6 năm 2016, các bên tham gia thống nhất Hướng dẫn nên được xây dựng một cách toàn diện nhất có thể, với tác giả gồm các nhà nghiên cứu, giảng viên, nhà giáo dục, nhà hoạch định, nhà thực hành và nhà hoạch định chính sách. Thêm nữa, các bên cũng thống nhất Hướng dẫn nên mang tính thẩm quyền, chủ động trong ngôn ngữ và văn phong nhưng không quá chi tiết để cho phép việc sáng tạo và đổi mới trong quá trình thực hiện. Từ tháng 6 năm 2017 quy trình tham vấn với nhiều bên liên quan được thực hiện, bao gồm các hoạt động chính liệt kê dưới đây.

- 1) Tham khảo ý kiến các bên liên quan với khoảng 245 người tham gia từ các quốc gia thành viên

ASEAN, bao gồm các nhà hoạch định chính sách, nhóm nông dân và hợp tác xã, các nhóm quản lý rừng dựa vào cộng đồng, những người thực hiện và nhà nghiên cứu tại Hội nghị nhóm công tác ASEAN về Lâm nghiệp xã hội lần thứ 7 tổ chức tại Chiang Mai, Thái Lan, 12-14 tháng 6 năm 2017. Tham vấn tập trung vào mục đích và nội dung chung của hướng dẫn.

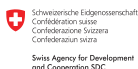
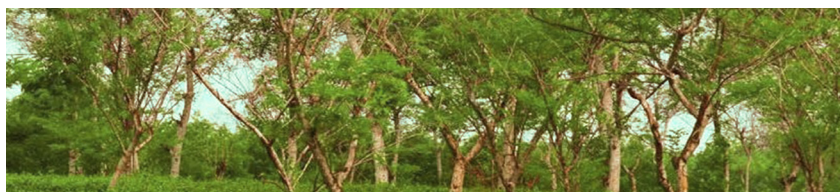
- 2) Trình bày và chấp thuận Khung đề cương xây dựng Hướng dẫn tại Hội nghị thường niên lần thứ 11 Nhóm công tác ASEAN về Lâm nghiệp xã hội tổ chức tại Chiang Mai, Thái Lan, ngày 15 tháng 6 năm 2017.
- 3) Trình kế hoạch hoạt động xây dựng hướng dẫn cho Ban thư ký Nhóm công tác ASEAN về lâm nghiệp xã hội, tháng 6/2017.
- 4) Chuẩn bị bản phác thảo sơ bộ về hướng dẫn thực hiện bởi ICRAF và FAO từ tháng 6 đến tháng 8 năm 2017.
- 5) Chuẩn bị dự thảo đầu tiên từ tháng 8 đến tháng 12 năm 2017.
- 6) Xem xét và đánh giá dự thảo ban đầu bởi các đối tác của Chương trình Đối tác ASEAN-Thủy Sĩ về

Lâm nghiệp xã hội và Biến đổi khí hậu, Ban thư ký ASEAN và FAO từ tháng 12 năm 2017 đến tháng 1 năm 2018.

- 7) Xem xét và đánh giá dự thảo ban đầu bởi các chuyên gia Nông lâm kết hợp, bao gồm Nhóm chuyên gia khu vực Mê-kông về Nông lâm kết hợp an ninh lương thực và dinh dưỡng, nông nghiệp bền vững và phục hồi đất đai và Cán bộ đầu mối Nhóm công tác ASEAN về lâm nghiệp xã hội trong và ngoài khu vực, ngày 26 tháng 1 năm 2018.
- 8) Chuẩn bị dự thảo lần thứ hai, tháng 1-tháng 2 năm 2018.
- 9) Nhóm công tác ngành của ASEAN thực hiện đánh giá từ tháng 2 đến tháng 3 năm 2018.
- 10) Đánh giá dự thảo lần thứ hai của các đầu mối Nhóm công tác ASEAN về lâm nghiệp xã hội vào tháng 2-2018.
- 11) Hoàn thiện dự thảo lần thứ hai, tháng 4-tháng 5 năm 2018
- 12) Thảo luận và hoàn thiện tại cuộc họp lần thứ 12 của Nhóm công tác ASEAN về lâm nghiệp xã hội tại thành phố Đà Nẵng, Việt Nam, tháng 6 năm 2018.

PHỤ LỤC 2. SÁCH TRẮNG:

Nông lâm kết hợp: đóng góp cho an ninh lương thực, thích ứng và giảm thiểu biến đổi khí hậu ở Đông Nam Á¹²

Agroforestry: contribution to food security and climate-change adaptation and mitigation in Southeast Asia

WHITE PAPER

Authors: Delia Catacutan, Meine van Noordwijk, Tien Hai Nguyen, Ingrid Öborn, Agustin R Mercado

Download PDF version from:
<http://www.worldagroforestry.org/region/sea/publications/detail?pubID=4231>

ISBN 978-979-3198-95-8

Khu vực Đông Nam Á đang trải qua thời kỳ bùng nổ về kinh tế với tốc độ tăng trưởng GDP trung bình 5,7% và

đã đạt được mục tiêu phát triển thiên niên kỷ là giảm một nửa số lượng người đói ăn. Trong khi đây là một thành tích đáng khen ngợi, thì 60 triệu người (hơn 10% tổng dân số) vẫn không đảm bảo an ninh lương thực. Gia tăng dân số nhanh, cùng với suy thoái đất và rừng, có thể khiến nhiều quốc gia trong khu vực không thể đủ lương thực cho dân số dự kiến của họ trong tương lai.

¹² The Agroforestry white paper highlights the evolving concepts of agroforestry, agroforestry practices adopted in Southeast Asia, contributions to food security, income, water regulation, climate change adaptation and mitigation, issues and challenges, policy challenges, and a call for action by ASEAN Member States.

Biến đổi khí hậu là mối đe dọa bổ sung về khía cạnh “cung cấp” với an ninh lương thực. Theo Báo cáo đánh giá lần thứ tư của Hội đồng liên chính phủ về biến đổi khí hậu, Đông Nam Á dự kiến sẽ bị ảnh hưởng nghiêm trọng bởi những tác động bất lợi của biến đổi khí hậu do hầu hết các nền kinh tế đều dựa vào nông nghiệp và tài nguyên thiên nhiên.

Nông lâm kết hợp, hoạt động sử dụng cây thân gỗ trên các trang trại và kết hợp lâm nghiệp và nông nghiệp như một phần của cảnh quan đa chức năng, có khả năng mang lại nhiều lợi ích kinh tế, xã hội và môi trường. So sánh trên phạm vi toàn cầu, Đông Nam Á có trữ lượng sinh khối các-bon cao nhất (theo đơn vị diện tích ha) trên đất nông nghiệp của tất cả các vùng và có xu hướng ngày càng tăng (60 tấn các-bon/ha vào năm 2000 và 65 tấn/ha vào năm 2010). Nông dân ở các vùng khác nhau trong khu vực

đã áp dụng đa dạng các hệ thống và thực hành Nông lâm kết hợp, làm tăng năng suất của đất nông nghiệp, giúp đảm bảo lương thực, thu nhập và các nhu cầu cơ bản khác. Đồng thời, lượng tích tụ các-bon đáng kể từ các cây thân gỗ trong các hệ thống Nông lâm kết hợp đang góp phần giảm thiểu biến đổi khí hậu, trong khi rừng và cây thân gỗ cũng góp phần điều hòa không khí làm mát môi trường xung quanh bằng đem lại nước vào khí quyển. Tuy nhiên, việc áp dụng Nông lâm kết hợp trên diện rộng vẫn còn hạn chế do nhiều trở ngại và thách thức, đáng chú ý là việc thiếu ‘ngôi nhà’ thể chế và hỗ trợ chính sách cụ thể cho nông lâm kết hợp. Để tiềm năng của Nông lâm kết hợp thành hiện thực trong việc đạt được an ninh lương thực, thích ứng và giảm thiểu biến đổi khí hậu ở Đông Nam Á, cần phải có các chính sách Nông lâm kết hợp cụ thể và các cơ chế thực hiện hiệu quả.

PHỤ LỤC 3. BỐI CẢNH QUỐC TẾ CỦA HƯỚNG DẪN

Hướng dẫn này tuân thủ tất cả các công ước, hiệp định và hiệp ước quốc tế ràng buộc về mặt pháp lý cũng như các chương trình và khuôn khổ toàn cầu mà các quốc gia thành viên ASEAN đã cam kết. Bao gồm, nhưng không giới hạn, theo các nội dung sau đây.

- 17 mục tiêu phát triển bền vững đã được các nhà lãnh đạo thế giới đưa ra vào tháng 9 năm 2015. Được xây dựng dựa trên thành công của các Mục tiêu phát triển thiên niên kỷ, các Mục tiêu đang huy động các nỗ lực để chấm dứt mọi hình thức nghèo đói, chống lại sự bất bình đẳng và giải quyết biến đổi khí hậu trong khi đảm bảo rằng “không còn ai bị bỏ lại phía sau”
- Công ước khung của Liên hợp quốc về biến đổi khí hậu (UNFCCC) nhằm ổn định nồng độ khí nhà kính trong khí quyển để ngăn chặn những tác động nguy hiểm đến hệ thống khí hậu, mà không có bất kỳ giới hạn khí thải hoặc cơ chế thực thi ràng buộc

nào đối với các quốc gia. Công ước phác thảo cách đàm phán các điều ước quốc tế cụ thể (được gọi là nghị định thư hoặc thỏa thuận) để xác định hành động tiếp theo đối với mục tiêu của UNFCCC.

- Thỏa thuận Paris được ký sau các cuộc đàm phán của UNFCCC và nhằm mục đích thúc đẩy các nỗ lực toàn cầu nhằm hạ thấp mức tăng nhiệt độ dự kiến xuống 1,5°C so với mức nhiệt độ thời kỳ trước công nghiệp hóa, tăng khả năng thích ứng, thúc đẩy khả năng phục hồi khí hậu và phát triển với mức khí thải thấp mà không đe dọa sản xuất lương thực và tạo ra các nguồn tài chính hỗ trợ các mục tiêu này. Thông qua các mức đóng góp do quốc gia tự quyết, các nước cần đề ra các hành động phù hợp với hoàn cảnh, khả năng và ưu tiên quốc gia của chính họ.
- Công ước đa dạng sinh học (CBD) đưa ra các nguyên tắc quản lý bảo tồn đa dạng sinh học, sử dụng bền vững các thành phần

và chia sẻ công bằng các lợi ích có được từ việc sử dụng nguồn gen.

- Công ước của Liên Hợp Quốc về chống sa mạc hóa (UNCCD) là chiến lược 10 năm (2008–2018) với mục tiêu thúc đẩy quan hệ đối tác toàn cầu để làm đảo chiều, ngăn chặn sa mạc hóa và suy thoái đất đai và giảm thiểu tác động của hạn hán nhằm hỗ trợ giảm nghèo và bền vững môi trường. UNCCD phối hợp chặt chẽ với CBD và UNFCCC để đáp ứng những thách thức phức tạp, với cách tiếp cận thích hợp và sử dụng tài nguyên thiên nhiên một cách tốt nhất.
- Thách thức Bonn là một nỗ lực toàn cầu để khôi phục 150 triệu ha đất bị mất rừng và suy thoái của thế giới vào năm 2020 và 350 triệu ha vào năm 2030 để thực hiện các cam kết quốc tế hiện có, bao gồm cả Mục tiêu CBD Aichi 15, UNFCCC REDD+ và mục tiêu Rio+ 20 về phần đầu không làm suy thoái đất.
- Công ước Ramsar về các vùng đất ngập nước là một hiệp ước liên chính phủ cung cấp khuôn khổ cho hành động và hợp tác quốc gia trong việc bảo tồn và sử dụng các vùng đất ngập nước và tài nguyên của chúng.
- Tuyên bố Rio về Môi trường và Phát triển cụ thể hóa các nguyên tắc hướng dẫn các quốc gia trong việc cân bằng các cân nhắc về

môi trường và phát triển trong các chính sách và hành động.

- Quy tắc ứng xử của việc thu thập và chuyển giao nguồn gen là khuôn khổ tự nguyện toàn cầu, nhằm đảm bảo việc thu thập hợp lý và sử dụng bền vững các nguồn gen.
- Hội đồng quốc tế về lâm nghiệp đề xuất các hành động để quản lý rừng bền vững.
- Kế hoạch hành động toàn cầu về bảo tồn và sử dụng bền vững tài nguyên di truyền thực vật là khuôn khổ toàn cầu tự nguyện trong việc bảo tồn và sử dụng bền vững tài nguyên di truyền thực vật cho lương thực và nông nghiệp.
- Tuyên bố thiên niên kỷ và các mục tiêu phát triển thiên niên kỷ nhằm nâng cao phẩm giá và công bằng của con người, xóa đói giảm nghèo, bảo vệ môi trường chung, hỗ trợ nhân quyền và dân chủ, thúc đẩy bình đẳng giới và quản trị tốt và hình thành quan hệ đối tác toàn cầu để phát triển.
- Khung hành động Sendai hướng dẫn giảm thiểu rủi ro thiên tai (2015–2030) nhằm mục đích giảm thiểu đáng kể rủi ro thiên tai và thiệt hại về người, sinh kế và sức khỏe. Khung hành động Sendai được thông qua tại Hội nghị Thế giới lần thứ ba của Liên hợp quốc về Giảm thiểu Nguy cơ thiên tai vào ngày 18/3/2015 tại Sendai, Nhật Bản

- Kế hoạch chiến lược của Liên Hợp Quốc (LHQ) về rừng (2017-2030) (UNSPF) là tài liệu tham khảo cho các công việc liên quan đến rừng của LHQ và thúc đẩy sự gắn kết, hợp tác và hiệp lực giữa các cơ quan và đối tác của LHQ

đối với định hướng và sứ mệnh tiếp sau, đồng thời là khuôn khổ để tăng cường sự gắn kết, hướng dẫn và tập trung công việc của Thỏa thuận quốc tế về rừng và các thành phần của thỏa thuận (IAF).

PHỤ LỤC 4. CÁC ẪN PHẨM KHUYẾN CÁO THAM KHẢO

- Burke L, Ranganathan J, Winterbottom R, eds. 2015. *Revaluing ecosystems: pathways for scaling up the inclusion of ecosystem value in decision making*. Washington DC, USA: World Resources Institute.
- Catacutan D, McGaw E, Llanza MA, eds. 2014. *In equal measure: a user guide to gender analysis in agroforestry*. Bogor, Indonesia: World Agroforestry Centre (ICRAF) Southeast Asia Regional Program.
- Colfer CJP, Achdiawan R, Roshetko JM, Mulyoutami E, Yuliani EL, Mulyana A, Moeliono M, Adnan H, Erni. 2015. The balance of power in household decision-making: encouraging news on gender in Southern Sulawesi. *World Development* 76:147–164.
- Coe R, Sinclair F, Barrios E. 2014. Scaling up agroforestry requires research ‘in’ rather than ‘for’ development. *Current Opinion in Environmental Sustainability* 6:1877–3435. <https://doi.org/10.1016/j>.
- Delaney M, Roshetko JM. 1999. Field test of carbon monitoring methods for home gardens in Indonesia. In: *Field tests of carbon monitoring methods in forestry projects*. Arlington VA, USA: Winrock International. pp 231–245. <http://www.worldagroforestry.org/region/sea/publications/detail?pubID=4214>.
- [FAO] Food and Agriculture Organization of the United Nations. 2017. *Agroforestry for landscape restoration: Exploring the potential of agroforestry to enhance the sustainability and resilience of degraded landscapes*. Rome, Italy: Food and Agriculture Organization of the United Nations.
- [FAO] Food and Agriculture Organization of the United Nations. 2013. *Advancing agroforestry on the policy agenda: a guide for decision-makers*. Agroforestry Working Paper No.1. Rome, Italy: Food and Agriculture Organization of the United Nations.
- [FAO] Food and Agriculture Organization of the United Nations. 2011. *Payments for ecosystem services and food security*. Rome, Italy: Food and Agriculture Organization of the United Nations.
- Klapwijk CJ, van Wijk MT, Rosenstock TS, van Asten PJA, Thornton PK, Giller KE. 2014. Analysis of trade-offs in agricultural systems: current status and way forward. *Current Opinion in Environmental Sustainability* 6:110–115. <https://www.sciencedirect.com/science/article/pii/S1877343513001607>.
- Kuyah S, Öborn I, Jonsson M, Dahlin AS, Barrios E, Muthuri C, Malmer A, Nyaga J, Magaju C, Namirembe A, Nyberg Y, Sinclair FL. 2016. Trees in

- agricultural landscapes enhance provision of ecosystem services in Sub-Saharan Africa. *International Journal of Biodiversity Science, Ecosystem Services & Management* 12:4:255–273. <http://www.tandfonline.com/doi/full/10.1080/21513732.2016.1214178>.
- Martini E, Roshetko JM, Purnomosidhi P, Tarigan J, Idris N, Zulfadhli T. 2013. Fruit germplasm resources and demands for small-scale farmer's post-tsunami and conflicts in Aceh, Indonesia. *Acta Horticultura (ISHS)* 975:657–664. http://www.actahort.org/books/975/975_82.htm.
- Manurung GE, Roshetko JM, Budidarsono S, Kurniawan I. 2008. Dudukuhan tree farming systems in West Java: how to mobilize self-strengthening of community-based forest management? In: Snelder DJ, Lasco R, eds. *Smallholder tree growing for rural development and environmental services. Lessons from Asia*. Advances in Agroforestry vol. 5. Dordrecht, Netherlands: Springer.
- Mead DJ. 2004. Agroforestry. In: *Forests and forest plants*. Vol. 1. *Encyclopedia of life science systems*. Oxford, UK: EOLSS Publishers. pp 324–55.
- Millennium Ecosystem Assessment. 2005. *Ecosystems and human well-being: synthesis*. Washington DC, USA: Island Press.
- Minang PA, van Noordwijk M, Freeman OE, Mbow C, de Leeuw J, Catacutan D, eds. *Climate-smart landscapes: multifunctionality in practice*. Nairobi, Kenya: World Agroforestry Centre (ICRAF).
- Nair PVR, Garrity DPN. 2012. *Agroforestry: the future of global land use*. Dordrecht, Netherlands: Springer.
- Namirembe S, Leimona B, van Noordwijk M, Minang P, eds. 2017. *Co-investment in ecosystem services: global lessons from payment and incentive schemes*. Nairobi, Kenya: World Agroforestry Centre (ICRAF). <http://www.worldagroforestry.org/sd/environmental-services/PES>.
- Neyra-Cabatac NM, Pulhin JM, Cabanilla DB. 2012. Indigenous agroforestry in a changing context: the case of the Erumanen ne Menuvu in Southern Philippines. *Forest Policy & Economics* 22:18–27.
- [OECD] Organization for Economic Co-operation and Development. 2011. *Towards green growth: a summary for policy makers*. Paris, France: Organization for Economic Co-operation and Development.
- Orwa C, Mutua A, Kindt R, Jamnadass R, Simons A. 2009. *Agroforestry Database: a tree reference and selection guide. Version 4.0*. Nairobi, Kenya: World Agroforestry Centre (ICRAF). <http://www.worldagroforestry.org/output/agroforestry-database>.
- Perdana A, Budidarsono S, Kurniawan I, Roshetko JM. 2013. Rapid Market Appraisal (RMA). In: van Noordwijk M, Lusiana B, Leimona B, Dewi S, Wulandari D, eds. *Negotiation-support toolkit for learning landscapes*. Bogor, Indonesia: World Agroforestry Centre (ICRAF) Southeast Asia Regional Program. pp 52–54. <http://www.worldagroforestry.org/downloads/Publications/PDFS/B17645.pdf>.
- Roshetko JM, Snelder DJ, Lasco RD, van Noordwijk M. 2008. Future challenge: a paradigm shift in the forestry sector. In: Snelder DJ, Lasco R, eds. *Smallholder tree growing for rural development and*

- environmental services. Lessons from Asia. Advances in Agroforestry* vol. 5. Dordrecht, Netherlands: Springer. pp 453–485.
- Roshetko JM, Rohadi D, Perdana A, Sabastian G, Nuryartono N, Pramono AA, Widyani N, Manalu P, Fauzi MA, Sumardamto P, Kusumowardhani N. 2013. Teak agroforestry systems for livelihood enhancement, industrial timber production, and environmental rehabilitation. *Forests, Trees, and Livelihoods* 22 (4):241–256. DOI: 10.1080/14728028.2013.855150.
- Van der Wolf J, Gram G, Bukomeko H, Mukasa D, Giller O, Kirabo E, Angebault C, Vaast P, Asare R, Jassogne L. 2017. *The shade tree advice tool*. CCAFS Info Note. Copenhagen, Denmark: CGIAR Research Program on Climate Change, Agriculture and Food Security. <https://ccafs.cgiar.org/publications/shade-tree-advice-tool#.WjjWDjcxXD4>. Tool: <http://shadetreeadvice.org/>.
- Van der Wolf J, Jassogne L, Gram G, Vaast P. 2016. Turning local knowledge on agroforestry into an online decision-support tool for tree selection in smallholders' farms. *Experimental Agriculture* 1–17. <http://dx.doi.org/10.1017/S001447971600017X>.
- Van Noordwijk M. 2005. *RUPES typology of environmental service worthy of reward*. Bogor, Indonesia: World Agroforestry Centre (ICRAF) Southeast Asia Regional Program. <http://www.worldagroforestry.org/downloads/Publications/PDFS/wp13952.pdf>
- Van Noordwijk M, Coe R, Sinclair F. 2016. *Central hypotheses for the third agroforestry paradigm within a common definition*. Working paper 233. Bogor, Indonesia: World Agroforestry Centre (ICRAF) Southeast Asia Regional Program. DOI: <http://dx.doi.org/10.5716/WP16079.PDF>.
- Van Noordwijk M, Mbow C, Minang PA. 2015. *Trees as nexus for Sustainable Development Goals (SDG's): agroforestry for integrated options*. Policy Brief 50. Nairobi, Kenya: ASB Partnership for the Tropical Forest Margins.
- Van Noordwijk M, Tata HL, Xu J, Dewi S, Minang PA. 2012. Segregate or integrate for multifunctionality and sustained change through rubber-based agroforestry in Indonesia and China. In: Nair PVR, Garrity DPN. *Agroforestry: the future of global land use*. Dordrecht, Netherlands: Springer. pp 69–104.
- Visco R. 2011. *National case study on agroforestry policy in the Philippines*. Final report. Rome, Italy: Food and Agriculture Organization of the United Nations.
- Wangpakapattanawong P, Finlayson R, Öborn I, Roshetko JM, Sinclair F, Shono K, Borelli S, Hillbrand A, Conigliaro M. 2017. *Agroforestry in rice-production landscapes in Southeast Asia: a practical manual*. Bangkok, Thailand: Food and Agriculture Organization of the United Nations Regional Office for Asia and the Pacific, Bogor, Indonesia: World Agroforestry Centre (ICRAF) Southeast Asia Regional Program.
- Zomer RJ, Neufeldt H, Xu J, Ahrends A, Bossio D, Trabucco A, van Noordwijk M, Wang M. 2016. Global tree cover and biomass carbon on agricultural land: the contribution of agroforestry to global and national carbon budgets. *Scientific Reports* 6:1–12.





Schweizerische Eidgenossenschaft
Confédération suisse
Confederazione Svizzera
Confederaziun svizra

Swiss Agency for Development
and Cooperation SDC



www.asean.org



ASEAN



ASEAN



@ASEAN



ASEAN